

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900320629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/08/2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/08/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . . . /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505**

Trụ sở: Xã IaO, huyện Iagrai, Tỉnh Gia Lai.

Văn phòng giao dịch: Tầng 12, tháp B, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại : 84- 24 62659 505

Fax: 84 - 24 62659 506

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB (Chi nhánh Hà Nội)

Địa chỉ : Số 10, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 84 – 24 3 942 9396

Fax: 84 – 24 3 942 9407

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Đặng Quang Đạt - Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

Điện thoại: 01666777668

Ông Vũ Sơn Thủy - UV HĐQT, Kế toán trưởng

Điện thoại: 0913 471 952



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900320629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/08/2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/08/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu CTCP Sông Đà 505
Mệnh giá	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/ cổ phiếu
Giá bán	: 15.000 (Mười lăm nghìn) đồng/ cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	: 4.013.534 cổ phần
Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá)	: 40.135.340.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ : Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Hải Châu, Đà Nẵng
Điện thoại : (84 – 236) 3 655 886 Fax: (84 – 236) 3 655 887

TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Trụ sở chính

Địa chỉ : 41 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q. 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 – 28) 38 234159 Fax: (84 – 28) 38 235060

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : 10 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84 – 24) 3 942 9396 Fax: (84 – 28) 3 942 9607

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp	6
3.	Rủi ro đặc thù	7
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	8
5.	Rủi ro pha loãng.....	8
6.	Rủi ro khác	9
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1.	Tổ chức phát hành.....	10
2.	Tổ chức tư vấn.....	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	13
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	14
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	15
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại	18
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	20
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	22
7.	Hoạt động kinh doanh	23
7.1	Các hoạt động kinh doanh chính	23
7.2	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	24
7.3	Nguyên nhiên vật liệu và các yếu tố đầu vào	25
7.4	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh của tổ chức phát hành	28
7.5	Hoạt động Marketing.....	37

VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	79
1.	Mục đích chào bán	79
2.	Phương án khả thi	81
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	83
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	83
IX.	PHỤ LỤC.....	84
X.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	85

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Trong môi trường kinh tế - xã hội đầy biến động như ngày nay, các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với nhiều loại rủi ro khác nhau. Vì vậy, hiểu rõ và có những chính sách, biện pháp phù hợp để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro luôn là công việc cần được các doanh nghiệp quan tâm thực hiện. Công ty cổ phần Sông Đà 505 cũng là một doanh nghiệp như vậy. Một số rủi ro mà Công ty có thể gặp phải trong quá trình hoạt động:

1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong giai đoạn đầu của quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng để tạo ra sức hút đối với đầu tư nước ngoài và phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất trong nước đang được Đảng và Nhà nước ưu tiên hàng đầu. Trong đó phát triển nguồn điện được đi trước một bước để tạo tiền đề cơ sở cho các yếu tố khác.

Hiện nay ở Việt Nam, cung cầu về điện đang ở tình trạng mất cân bằng, cung nhỏ hơn cầu, Việt Nam hiện vẫn đang phải mua điện từ Trung Quốc. Bởi vậy, tiềm năng phát triển đối với một công ty chuyên thi công các công trình thủy điện như Công ty cổ phần Sông Đà 505 là rất lớn. Rủi ro về kinh tế được đánh giá là thấp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng các công trình thủy điện và đang thực hiện niêm yết cổ phiếu tại SGDCK Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán; các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và các chính sách của Chính phủ liên quan đến phát triển ngành điện.

Liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung và công ty đại chúng, công ty niêm yết nói riêng, để tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/07/2015 và Luật chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2007.

Liên quan đến lĩnh vực xây dựng, năm 2006, Bộ Xây dựng đã soát xét, biên soạn mới 07 quy chuẩn, 68 tiêu chuẩn, chuyển dịch 08 tiêu chuẩn quốc tế và khu vực, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành 13 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về vật liệu xây dựng, ban hành 11 bộ thiết kế điển hình. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng, đến hết năm

2006, tất cả các địa phương trên cả nước đã ban hành xong các bộ đơn giá xây dựng, giá ca máy, góp phần tích cực cho công tác quản lý chi phí xây dựng tại địa phương.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã xây dựng chiến lược phát triển ngành điện từ năm 2006 đến 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

Với hệ thống Luật pháp, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nói riêng.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

Đặc thù ngành nghề của Công ty là thi công các công trình thủy điện, thủy lợi được thực hiện thông qua các hợp đồng thi công xây lắp theo hình thức đấu thầu hoặc chào giá cạnh tranh, sản phẩm của Công ty chủ yếu là bê tông, cốt thép trong đó phần nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong sản phẩm hoàn thành như: xi măng, sắt, thép, cát, đá xây dựng, xăng dầu, ...(chiếm bình quân khoảng 60%). Trong những năm gần đây giá cả các loại nguyên, nhiên vật liệu đầu vào này luôn đảm bảo nguồn cung cấp ổn định, tuy nhiên giá cả thiếu ổn định làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD đối với các gói thầu cố định giá có thời gian thi công dưới một năm. Tuy nhiên đa phần các công trình công ty thi công có thời gian thi công trên một năm và có điều khoản bù giá khi có biến động về giá cả vật liệu đầu vào >5% được quy định trong Hợp đồng nên về cơ bản sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào không có ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Tỷ trọng các khoản nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính lớn một mặt sẽ đem lại hiệu quả khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn của Công ty cao nhưng đồng thời cũng làm gia tăng chi phí lãi vay trong hoạt động của Công ty. Tình hình biến động lãi suất trong nền kinh tế thời gian vừa qua cho thấy trong ngắn hạn lãi suất có xu hướng ổn định, thậm chí giảm, nhưng về lâu dài, lãi suất vẫn sẽ có chiều hướng tăng, mặc dù vẫn chịu sự kiểm soát vĩ mô của ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí và giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn tìm hướng cấu trúc nguồn vốn hợp lý giữa vốn vay và vốn tự có. Với việc tham gia thị trường chứng khoán, Công ty có những thuận lợi nhất định để thực hiện được mục tiêu này thông qua việc huy động vốn từ công chúng đầu tư.

Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, có những thời điểm Công ty phải tiến hành thi công xây lắp trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đợt phát hành cổ phiếu Công ty sẽ phụ thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chính thức phát hành, tâm lý của các nhà đầu tư, tính hấp dẫn cổ phiếu Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phiếu dự định phát hành. Trong trường hợp đó, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức chào bán cho các đối tượng khác theo những điều kiện không thấp hơn các điều kiện đã áp dụng cho các cổ đông đã phân phối theo đúng tinh thần nghị quyết đại hội cổ đông đề ra.

Tổng số vốn huy động trong đợt phát hành này được dùng để đáp ứng nhu cầu vốn tự có để làm vốn đối ứng vay Ngân hàng tài trợ cho Dự án Thủy điện Nậm Bùm 1 do Công ty cổ phần EHULA (là công ty con của CTCP Sông Đà 505) làm chủ đầu tư. Nhìn chung dự án này là một trong những dự án trọng điểm của của Tỉnh Lai Châu và thuộc vào một trong những ngành có tiềm năng phát triển, khả năng sinh lời tương đối cao. Tuy vậy, vẫn có thể có những rủi ro tiềm ẩn khi các dự án không được thực hiện hoặc thực hiện không theo đúng tiến độ, tốc độ giải ngân chậm... sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của các cổ đông.

5. Rủi ro pha loãng

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

PR(t-1) là giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

PR là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

I1 : Tỷ lệ vốn tăng

Giá sử, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty là 30.000 đồng/ CP, thì:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{30.000 + 67\% * 15.000}{1 + 67\%} = 23.982 \text{ đồng/ CP}$$

Việc phát hành một lượng lớn cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu (4.013.534 cổ phiếu) tạo ra một lượng cung lớn trên thị trường và có thể vượt quá khả năng hấp thụ của cổ đông. Đối với các cổ đông từ chối quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống.

Ngoài ra, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng có thể sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho mục đích đầu tư Dự án Thủy điện Nậm Bùm 1 sẽ chưa thể có doanh thu, lợi nhuận ngay trong giai đoạn đầu tư.

EPS được tính theo công thức:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Vì vậy khi số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân tăng lên mà tốc độ tăng lợi nhuận không theo kịp sẽ dẫn đến EPS bị suy giảm.

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty dự kiến 51.810.744.000 đồng. Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2007: 5.990.349 cổ phiếu.

$$\text{EPS dự kiến năm 2017: } \frac{51.810.744.000}{5.990.349} = 8.649 \text{ đồng}$$

Việc phát hành của Công ty sẽ rơi vào năm 2018 nên năm 2017 EPS của cổ đông công ty không bị pha loãng.

6. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, như nhiều doanh nghiệp khác, Công ty cũng phải đối mặt với các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, hỏa hoạn, Các rủi ro này nếu xảy ra đều có thể gây tổn thất lớn cho Công ty. Biện pháp giảm thiểu rủi ro là trang bị đầy đủ, đào tạo bài bản và mua bảo hiểm.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05

Ông: **ĐẶNG QUANG ĐẠT** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị – Giám đốc

Ông: **VŨ SƠN THỦY** Chức vụ: Kế toán trưởng – Thành viên HĐQT

Ông: **ĐẶNG THANH NAM** Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Đại diện theo pháp luật : Ông **PHẠM TUẤN LONG**

Chức vụ : Giám đốc chi nhánh Hà Nội

(Theo Quyết định ủy quyền số 42.6/QĐ-ACBS.17 ngày 06/09/2017 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Sông Đà 505. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Sông Đà 505 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

CHDCND	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
BXD	Bộ Xây dựng
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
ĐKCB	Đăng ký chào bán
QĐ	Quyết định
TTg	Thủ tướng
CTCP	Công ty cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CP	Cổ phần
XN	Xí nghiệp
TCT	Tổng Công ty
GCN	Giấy chứng nhận
Công ty	CTCP Sông Đà 505
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐHCĐ	Đại hội cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
VĐL	Vốn điều lệ
BCTC	Báo cáo tài chính
VND	Đồng Việt Nam
TSCĐ	Tài sản cố định
VAT	Thuế giá trị gia tăng
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
SXKD	Sản xuất kinh doanh
ĐÔAL	Đường ống áp lực
OPY	Trạm phân phối điện
QLVH	Quản lý vận hành
ACBS	Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng TMCP Á Châu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Một số thông tin cơ bản về Công ty

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505**
- Tên tiếng Anh : **SONG DA 505 JOINT - STOCK COMPANY**
- Trụ sở chính : Xã IaO - Huyện Iagrai - Tỉnh Gia Lai
- VPĐD tại Hà Nội : Tầng 12 - Tòa nhà Sông Đà-Phạm Hùng - Nam Từ Liêm-Hà Nội
- Điện thoại : 024626.59.505
- Fax : 024626.59.506
- Website : www.Songda505.com.vn
- Email : info@songda505.com.vn

- Biểu tượng Công ty :



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900320629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/08/2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/08/2017.
- Vốn điều lệ : **59.903.490.000VND**.
- Ngành nghề kinh doanh
 - Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và xây dựng khác.
 - Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, phụ kiện phục vụ xây dựng.
 - Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.
 - Thi công khai thác đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt.
 - Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị , phương tiện đo lường và thử nghiệm.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sông đà 505 được thành lập theo quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22/06/2004 của Bộ trưởng bộ xây dựng trên cơ sở chuyển đổi từ một bộ phận doanh

nghiệp Nhà nước là Xi nghiệp Sông Đà 505 thuộc Công ty Sông Đà 5 - Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/09/2004. Từ khi thành lập, Công ty cổ phần Sông Đà 505 đã không ngừng mở rộng quy mô, đầu tư năng lực dây chuyền thiết bị nhằm nâng cao năng lực thi công, với số lao động bình quân khoảng 700-:- 1.000 người đảm đương được những công trình trọng điểm, đáp ứng được yêu cầu công việc và tiến độ thi công các gói thầu ... Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã ký kết và thực hiện trên 40 Hợp đồng thi công xây lắp tại các dự án thủy điện, công trình công nghiệp lớn nhỏ khác nhau đạt mức doanh thu bình quân 400-500 tỷ đồng/năm và đã tạo được uy tín đối với các ban quản lý, ban điều hành trong khu vực về tiến độ và chất lượng công trình. Trong quá trình hoạt động Công ty không ngừng hoàn thiện mô hình, cơ cấu bộ máy tổ chức nhằm tinh giảm gọn nhẹ, giảm chi phí, hạ giá thành và nâng cao hiệu quả trong SXKD và đã đạt được hiệu quả nhất định với mức cổ tức hàng năm đạt 20%-25% năm. Tuy nhiên hiện nay điều kiện tiếp cận các gói thầu thi công dự án thủy điện ngày càng hạn chế do các dự án trong nước ngày càng ít và tính chất cạnh tranh khắc nghiệt, giá thấp dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, rủi ro khi chủ đầu tư nợ đọng vốn,... Do vậy trong ngắn hạn Công ty tiếp tục duy trì ngành nghề xây lắp các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước, các dự án tương tự tại các nước lân cận khi xét thấy Chủ đầu tư đáp ứng được nguồn vốn trong thanh toán và hiệu quả kinh tế từng gói thầu. Trong dài hạn Công ty chuyển dịch dần tỷ trọng ngành nghề sang lĩnh vực đầu tư hoặc góp vốn đầu tư xây dựng và vận hành dự án thủy điện vừa và nhỏ phù hợp với chuyên môn, ngành nghề của Công ty trên nguyên tắc thận trọng, kiểm soát rủi ro.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

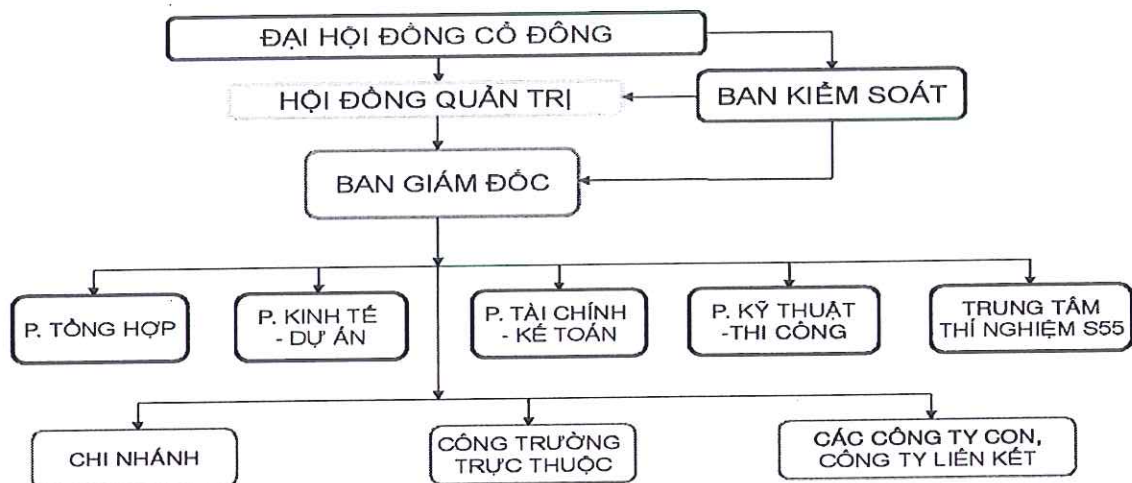
Công ty cổ phần Sông Đà 505 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 26 tháng 11 năm 2014, các quy định pháp Luật khác và điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 505.

Công ty cổ phần Sông Đà 505 đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị : gồm 05 thành viên.
- Ban kiểm soát : gồm 03 thành viên.
- Ban giám đốc : gồm Giám đốc và 05 Phó giám đốc.
- Khối quản lý : gồm các phòng ban chức năng:
 - ◆ Phòng Tổng hợp.
 - ◆ Phòng Kinh tế dự án.
 - ◆ Phòng Tài chính Kế toán.

- ♦ Phòng Kỹ thuật thi công
- ♦ Trung tâm thí nghiệm S55

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Đại hội đồng cổ đông

Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đã được ban hành, ĐHCĐ họp ít nhất mỗi năm một lần, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và kế hoạch SXKD, đầu tư,... cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên thực hiện chức năng quản lý toàn bộ hoạt động SXKD, đầu tư và định hướng của Công ty. Hàng năm hội đồng quản trị chỉ đạo ban giám đốc công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp triển khai nhiệm vụ SXKD và đầu tư để đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết của đại hội cổ đông đã được thông hàng năm, HĐQT ra các quyết định kịp thời chỉ đạo ban giám đốc tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo được các mục tiêu đề ra.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Ban Giám đốc

Ban giám đốc gồm 06 thành viên, trong đó có 01 Giám đốc và 05 Phó Giám đốc, đứng đầu là Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật, điều hành và tổ chức hoạt động SXKD hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kiên nghị bộ máy tổ chức quản lý, ký kết các hợp đồng, công bố thông tin theo quy định phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng, ban chức năng

Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty và quy định pháp luật với nhiệm vụ cụ thể như sau:

❖ **Phòng Tổng hợp**

- Công tác tổ chức và công tác cán bộ;
- Công tác đào tạo;
- Theo dõi và cung cấp bảo hộ lao động trong công ty
- Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Công tác hành chính văn phòng.

❖ **Phòng Kinh tế - dự án**

- Công tác kinh tế;
- Công tác đấu thầu, mua sắm thiết bị, xe máy;
- Tìm kiếm, phát triển thị trường và tiếp thị đấu thầu các công trình trong phạm vi ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Lập và trình duyệt các dự án đầu tư của Công ty
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác kế hoạch.

❖ **Phòng kỹ thuật- Thi công**

- Quản lý kỹ thuật, chất lượng và tiến độ các công trình đấu thầu, nhận thầu thi công hoặc các công trình do Công ty làm chủ đầu tư;
- Lập biện pháp thi công, đánh giá rủi ro trong quá trình triển khai thi công, quản lý về an toàn.

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán**

- Là bộ phận giúp Giám đốc tổ chức bộ máy Tài chính – kế toán, thu xếp và cân đối tài chính cho các mục tiêu hoạt động của Công ty.
- Giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế - tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và công ty cổ phần.
- Quản lý cơ giới: quản lý toàn bộ máy móc thiết bị và tài sản của Công ty;
- Quản lý vật tư;
- Đảm bảo cung ứng kịp thời các nhu cầu vật tư, phụ tùng thiết yếu nhằm đáp ứng công tác sản xuất và phục vụ sản xuất, công tác phục hồi và sửa chữa xe máy.

❖ **Trung tâm thí nghiệm**

- Duy trì việc quản lý và sử dụng dấu LAS-XD750 đã được Bộ xây dựng cấp cho để thực hiện chức năng Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị, phương tiện đo lường và thử nghiệm.
- Khai thác và thực hiện chức năng nhiệm vụ về lĩnh vực thí nghiệm phù hợp nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty và yêu cầu quản lý và sử dụng dấu LAS-XD750 theo quy định của Bộ xây dựng.

❖ Chi nhánh trực thuộc

Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc có đầy đủ bộ máy hoạt động, có con dấu, bảng cân đối kế toán riêng và được cấp mã số thuế con thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý SXKD theo sự ủy quyền của Giám đốc Công ty phù hợp với ngành nghề, mục tiêu và định hướng của Công ty, lợi nhuận hàng năm của các Chi nhánh được tập trung về Công ty. Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty về toàn bộ công tác quản lý điều hành và hiệu quả SXKD của Chi nhánh theo phân cấp quản lý đã được ban hành và pháp luật nhà nước hiện hành.

Nhìn chung mô hình tổ chức hiện tại của Công ty đã đáp ứng được với yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Với việc phân cấp của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc đã tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, trong việc phát triển thị trường... cũng như trong việc thực thi định hướng phát triển chung của Công ty. Công ty vẫn giữ được vai trò trung tâm điều phối hoạt động của các đơn vị thông qua quy chế quản lý chung.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tại ngày 18/8/2017 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan

STT	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
1	Đặng Quang Đạt	013399955	Số 5 Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội	807.968	13,5%

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Người có liên quan của cổ đông Đặng Quang Đạt

Tên cổ đông	CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Hương	013350564	Số 5 Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội	267.840	4,5%
Đặng Tất Thành	013043234	Số 5 Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội	24.000	0,4%
Đặng Minh Huệ	013043353	Số 5 Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội	48.000	0,8%
Tổng cộng			339.840	5,7%

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Tính đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng liên quan đến cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đối với các cổ đông sáng lập của Công ty đã không còn hiệu lực.

Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tại ngày 18/08/2017 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Stt	Phân loại cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Giá trị CP nắm giữ (Đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
I.	Cổ đông tổ chức			
1.	Trong nước	49.655	496.550.000	0,8%
2.	Ngoài nước	33.561	335.610.000	0,6%
II.	Cổ đông cá nhân			
1.	Trong nước	5.677.781	56.777.810.000	94,8%
2.	Ngoài nước	229.352	2.293.520.000	3,8%
	Tổng cộng	5.990.349	59.903.490.000	100%

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ của CTCP Sông Đà 505: Không có.

Danh sách công ty con của CTCP Sông Đà 505:

Tên công ty	Địa chỉ	ĐKKD	Ngành nghề	VĐL thực góp (tỷ VND)	Vốn góp của S55 (tỷ VND)	Tỷ lệ
Công ty cổ phần điện Bắc Nà	H. Bắc Hà – Tỉnh Lào Cai	0102141313	Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, SX và kinh doanh điện năng	135	70,9	52,54%
Công ty cổ phần EHULA	Xã Bum Nưa, H. Mường Tè, T. Lai Châu	6200065527	Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, SX và kinh doanh điện năng	31,1	30,76	98,91%

Công ty cổ phần EHULA tiền thân là CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Hoàng được đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/02/2012. Mục đích thành lập công ty ngay từ ban đầu là để phục vụ việc đầu tư Thủy điện Nậm Bùm 1 và Thủy điện Nậm Bùm 2. Vì vậy, mức vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 380 tỷ đồng, tương ứng với tổng nhu cầu vốn đối ứng dự kiến để đầu tư cho hai thủy điện nêu trên. Việc đăng ký vốn điều lệ như vậy phù hợp với tổng nhu cầu vốn đầu tư của hai dự án và cũng là số vốn điều lệ cần thiết để phục vụ việc xin chủ trương đầu tư của công ty được thuận lợi.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán vốn lập ngày 25 tháng 11 năm 2017, vốn thực góp của EHULA là 31.100.000.000, đồng, nhỏ hơn so với vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh. Sở dĩ có sự khác biệt như vậy bởi nguyên nhân: Trên thực tế, việc đầu tư dự án nói chung và thủy điện nói riêng, số tiền sử dụng cho dự án sẽ tăng lên dần theo tiến độ đầu tư mà không phát sinh một lần ngay từ ban đầu. Chính vì vậy, để có bài toán tài chính hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của cổ đông công ty, EHULA đã xây dựng lộ trình góp vốn phù hợp với kế hoạch đầu tư và giải ngân cho hai dự án nêu trên của công ty mà không góp ngay từ đầu số tiền 380 tỷ đồng.

Để đảm bảo tính minh bạch về vốn thực góp, CTCP EHULA đã thực hiện kiểm toán số vốn thực góp của công ty vào thời điểm gần nhất là ngày 22 tháng 11 năm 2017 đồng thời đưa thông tin này tới quý vị cổ đông của S55 thông qua Bản cáo bạch này để Quý cổ đông được biết. Theo đó số vốn thực góp của EHULA tính tới thời điểm ngày 22 tháng 11 năm 2017 là 31.100.000.000, đồng.

Bên cạnh đó, HĐQT Công ty cổ phần EHULA đã thông qua việc yêu cầu các cổ đông của Công ty tiếp tục thực hiện góp vốn Điều lệ trong Quý I/2018 để nâng vốn điều lệ thực góp của Công ty lên: 162.000.000.000 đồng nhằm đảm bảo Công ty có đủ vốn đối ứng vay ngân hàng thương mại tài trợ cho dự án Thủy điện Nậm Bùn 1 và cam kết sẽ điều chỉnh lại giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh ngay sau khi các cổ đông của Công ty là Công ty cổ phần Sông Đà 505 và các cổ đông khác góp đủ số vốn nêu trên.

Danh sách các công ty khác CTCP Sông Đà 505 có vốn góp

Tên công ty	Địa chỉ	ĐKKD	Ngành nghề	VĐL (tỷ VND)	Vốn góp của S55 (tỷ VND)	Tỷ lệ
Công ty CP thủy điện Sông Ông	Xã Sơn, Sơn, Thuận Quảng Ninh Ninh	4500243079	Sx và kinh doanh điện năng	74	24,980	33,76%
Công ty cổ phần đầu tư Anzen	TT Krông H. Krông bông-T. Đắk Lắk	6001543793	Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, Sx và kinh doanh điện năng	105	20	19%
Công ty CP ĐT và PT điện Tây Bắc			Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, Sx và kinh doanh điện năng	300	0,224	0,1%

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Pháp lý của đợt tăng vốn
Vốn điều lệ khi thành lập	09/08/2004	7.000.000.000	7.000.000.000	Góp vốn thành lập	Quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22/06/2004 của Bộ XD về việc chuyển XN Sông Đà 5.05 thành Công ty cổ phần
Lần tăng vốn thứ nhất	10/03/2008	17.960.000.000	24.960.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,28 và chào bán ra công chúng: 900.000, cp	Nghị quyết Đại hội cổ đông số 91NQ/ĐHCD/2007 ngày 05/04/2007; Giấy chứng nhận số 241/UBCK-GCN ngày 30/11/2007 của UBCKNN
Lần tăng vốn thứ hai	12/06/2015	24.960.000.000	49.920.000.000	Chi thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1	Nghị quyết Đại hội cổ đông số 135/NQ-S55-ĐH15 ngày 26/03/2015; Văn bản chấp thuận số 1861/UBCK-QLPH ngày 17/04/2015 của UBCKNN
Lần tăng vốn thứ ba	29/06/2017	9.983.950.000	59.903.950.000	Chi trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu (20%)	Nghị quyết Đại hội cổ đông số 117/NQ-S55-ĐH17 ngày 26/03/2017; Văn bản chấp thuận số 1929/UBCK-QLCB ngày 13/04/2017 của UBCKNN

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Các hoạt động kinh doanh chính

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và xây dựng khác.
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, phụ kiện phục vụ xây dựng.
- Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ
- Thi công khai thác đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt.

Hiện tại Công ty đang tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- **Lĩnh vực 1:** Thi công xây lắp các dự án thủy điện, công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- **Lĩnh vực 2:** Cung cấp các dịch vụ phục vụ thi công xây lắp tại các công trình thủy điện, thủy lợi.
- **Lĩnh vực 3:** Góp vốn đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.

Theo đó, Công ty có những sản phẩm, dịch vụ, hoạt động chính như sau:

- ❖ ***Thi công bê tông cốt thép các hạng mục công trình thủy điện, công nghiệp và thủy lợi***, bao gồm: đập dâng, đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, nhà máy, đường dây và trạm phân phối điện thuộc các nhà máy thủy điện; và các hạng mục công trình có cấu kiện bê tông cốt thép thuộc các công trình công nghiệp, thủy lợi.

Các sản phẩm của Công ty đều được kiểm soát chất lượng chặt chẽ qua tất cả các Công đoạn sản xuất, đáp ứng được mục tiêu chất lượng mà Ban lãnh đạo Công ty đề ra, ngày càng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng và tạo dựng uy tín vững chắc cho các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

- ❖ Cung cấp bê tông thương phẩm, vật tư khác, dịch vụ thi nghiệm công trình; cho thuê thiết bị thi công, gia công các cốt pha, cốt thép tại các công trình thủy điện, thủy lợi.
- ❖ ***Đầu tư góp vốn vào các nhà máy thủy điện đã hoàn thành phát điện; Góp vốn đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.***

Cụ thể, Công ty đã:

- Mua lại 33,76% cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông - Công ty hiện đang sở hữu Thủy điện Sông Ông tại Ninh Sơn, Ninh Thuận. Thủy điện có công

suất lắp máy: 8,1MW; doanh thu phát điện bình quân năm: 40-45 tỷ; cổ tức hàng năm: 20-25%.

- Góp vốn đầu tư 19% vào Công ty cổ phần đầu tư Anzen - Công ty sở hữu nhà máy thủy điện Krôngkma tại Krôngkma- Đắk Lắk. Thủy điện có công suất lắp máy: 12 MW; doanh thu phát điện bình quân năm: 65-70 tỷ; cổ tức hàng năm: 20-25%.
- Góp vốn 52,6% vào Công ty cổ phần điện Bắc Nà để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Bắc Nà tại huyện Bắc Hà – Tỉnh Lào Cai. Thủy điện có công suất lắp máy: 17MW; doanh thu phát điện bình quân năm: 65-68 tỷ; cổ tức hàng năm: 10-15%.

7.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất của Công ty theo từng lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	440.683.893.876	92,1%	286.727.408.507	88,2%	206.584.464.032	72,2%
Bán điện		0,0%		0,0%	73.092.719.703	25,5%
Cung cấp dịch vụ	22.757.309.351	4,8%	20.334.817.960	6,3%	6.581.715.152	2,3%
Tổng cộng	463.441.203.227	100%	307.062.226.467	100%	268.258.898.887	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC quý IV năm 2017

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ theo từng lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	514.616.347.048	93,2%	357.516.372.696	90,3%	221.004.048.264	88,6%
Cung cấp dịch vụ	22.757.309.351	4,1%	20.334.817.960	5,1%	6.581.715.152	2,6%
Hoạt động tài chính và thu nhập khác	14.871.764.119	2,7%	18.086.374.121	4,6%	21.761.135.266	8,7%
Tổng cộng^(*)	552.245.420.518	100%	395.937.564.777	100%	249.346.898.682	100%

(*)Số liệu "Tổng cộng" bao gồm khoản mục "Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ" cộng với "Doanh thu hoạt động tài chính" và "Thu nhập khác".

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý IV năm 2017 Công ty mẹ

Cơ cấu lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty theo từng lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	39.511.696.745	76,2%	26.177.542.415	56,80%	19.001.008.209	30,9%
Bán điện		0,0%		0,00%	19.766.117.962	32,1%
Cung cấp dịch vụ	43.146.652	0,1%	112.114.232	0,24%	457.066.254	0,7%
Lãi, lỗ trong C.ty liên kết	1.062.804.477	2,0%	4.609.230.777	10,00%	3.496.290.460	5,7%
Hoạt động tài chính và thu nhập khác	11.268.219.061	21,7%	15.191.136.576	32,96%	18.806.605.303	30,6%
Tổng cộng	51.885.866.935	100%	46.090.024.000	100%	61.527.088.188	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý IV năm 2017

Cơ cấu lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ theo từng lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	41.596.128.938	81,8%	30.043.608.998	63,4%	22.290.106.753	53,6%
Cung cấp dịch vụ	43.146.652	0,1%	112.114.232	0,2%	457.066.254	1,1%
Hoạt động tài chính và thu nhập khác	9.200.923.867	18,1%	17.258.431.770	36,4%	18.806.605.303	45,3%
Tổng cộng	50.840.199.457	100%	47.414.155.000	100%	41.553.778.310	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý IV năm 2017 công ty mẹ

7.3 Nguyên nhiên vật liệu và các yếu tố đầu vào

Yếu tố chi phí	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)

Yếu tố chi phí	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.729.968.907	56,85%	231.225.184.614	47,06%	161.468.289.678	46,31%	94.990.067.538	41,8%
Chi phí nhân công	109.027.600.273	26,63%	99.177.385.413	20,18%	85.411.622.651	24,50%	77.224.079.550	34,0%
- Lương	101.829.432.484	24,87%	92.071.781.588	18,74%	77.266.072.128	0,00%	69.863.112.378	30,8%
- BHXH + BHYT + KPCĐ	7.198.167.789	1,76%	7.105.603.825	1,45%	8.145.550.523	2,34%	7.360.967.172	3,2%
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.930.252.242	1,94%	7.533.419.663	1,53%	7.315.788.024	2,10%	23.997.823.309	10,6%
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.813.578.725	2,15%	8.621.742.758	1,75%	7.451.756.115	2,14%	5.107.692.194	2,2%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.605.921.120	11,14%	138.213.251.068	28,13%	82.621.556.122	23,70%	24.986.342.738	11,0%
Chi phí khác bằng tiền	5.303.644.856	1,30%	6.593.294.132	1,34%	4.369.579.215	1,25%	811.297.078	0,4%
Tổng cộng	409.410.966.123	100	491.364.277.648	100	348.638.591.805	100	227.117.302.407	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 và BCTC Quý IV 2017

Chi phí nguyên vật liệu

Đây là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí nguyên vật liệu và các chi phí đầu vào của Công ty (bình quân khoảng 50-60%).

Hiện tại, sản phẩm chủ yếu của Công ty là bê tông, cốt thép. Các nhóm nguyên, nhiên vật liệu đầu vào chủ yếu phục vụ hoạt động sản xuất bao gồm: xi măng, sắt, thép, cát, đá xây dựng, xăng dầu, điện sản xuất.

Với hoạt động chủ yếu là thi công phần bê tông, cốt thép và hoàn thiện tại các dự án thủy điện, thủy lợi nên nguồn nguyên vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng từ các nguồn thông dụng trong nước, ít sử dụng các vật liệu đặc thù nhập khẩu từ nước ngoài nên gần như

không chịu ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các gói thầu. Các nguyên, nhiên vật liệu này hầu hết Công ty đều phải mua ngoài Tuy nhiên nguồn nguyên vật liệu của Công ty được thực hiện mua trực tiếp từ các Nhà máy sản xuất hoặc từ các đại lý phân phối cấp một của đơn vị sản xuất thông qua hình thức chào giá cạnh tranh, luôn đảm bảo giá cả tối ưu. Hiện nay các nhà máy sản xuất nguyên vật liệu cung ứng cho lĩnh vực xây dựng rất đa dạng và dồi dào, luôn đảm bảo khả năng cung ứng cho các công trình xây dựng của đơn vị khi có nhu cầu và đảm bảo chất lượng thi công công trình.

Do chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí đầu vào, nên Công ty luôn chủ động theo sát tình hình và đưa ra dự báo về xu hướng biến động giá nguyên vật liệu để luôn chủ động trong mọi trường hợp. Với nhận định và đánh giá rằng giá nguyên vật liệu đầu vào trong những năm tới sẽ tiếp tục diễn biến khó lường do ảnh hưởng của yếu tố kiểm soát lạm phát và một phần do một số doanh nghiệp sản xuất vật liệu đầu vào vẫn còn phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu thô, nên để giảm thiểu rủi ro biến động về giá đối với nguồn nguyên nhiên vật liệu đầu vào, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chính sách ký hợp đồng trực tiếp với các nhà máy sản xuất hoặc với các đại lý phân phối cấp một trên nguyên tắc chào giá cạnh tranh, mỗi một loại vật liệu phải đảm bảo tối thiểu hai nhà cung cấp trở lên để có thể lựa chọn giá cạnh tranh tối ưu và sẵn sàng thay thế nhà cung cấp đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí về giá, chất lượng.

– Chi phí nhân công:

Đây cũng là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong các chi phí đầu vào (Dao động từ 20% - 27%).

Ý thức được tầm quan trọng của yếu tố nguồn nhân lực cũng như mức độ ảnh hưởng của yếu tố chi phí nhân công trong tổng chi phí đầu vào, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn thực hiện chính sách thu hút bằng cách luôn đảm bảo chế độ kịp thời, minh bạch cho người lao động và sử dụng nguồn nhân lực chính quy sẵn có, ổn định luôn đảm bảo sẵn sàng đáp ứng tiến độ thi công các gói thầu phù hợp với quy mô từng thời điểm. Đối với công việc mang tính chất thủ công, đơn giản Công ty thuê lao động địa phương theo vụ việc nhằm giảm thiểu chi phí không cần thiết với lao động chính quy. Việc quản lý chặt chẽ và tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lao động cũng là một trong những yếu tố giúp chi phí nhân công luôn ở mức hợp lý mà vẫn đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó, để đảm bảo khuyến khích được lao động cống hiến, thu hút lao động giỏi nhưng vẫn đảm bảo chi phí nhân công ở mức hợp lý và hiệu quả, Công ty chủ động áp dụng chế độ làm việc cũng như chính sách lương, thưởng phụ cấp hợp lý, thiết thực và kịp thời.

– Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Đây cũng là một trong những khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng chi phí đầu vào của Công ty (Dao động trên 20%).

Hiện tại, chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu là chi phí thuê thầu phụ thi công công tác đào đắp, công tác hoàn thiện công trình, thuê bến bãi, thuê xe vận chuyển thiết bị, dịch vụ tư vấn và các dịch vụ thuê ngoài khác phục vụ thi công. Việc thuê ngoài được thực hiện trên nguyên tắc chào giá cạnh tranh, lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ có uy tín nhằm đảm bảo hiệu quả cho từng đầu mục công việc.

7.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh của tổ chức phát hành

Hoạt động đầu tư chủ yếu của Công ty là Đầu tư góp vốn vào các nhà máy thủy điện đã hoàn thành phát điện; Góp vốn đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.

Một số hạng mục đầu tư chính của Công ty từ năm 2014 cho tới nay

STT	Năm đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tên hạng mục đầu tư	Địa điểm
1	Năm 2015	33,76%	Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông	Ninh Thuận
2	Năm 2016	19,00%	Công ty cổ phần đầu tư Anzen (thủy điện Krôngkma)	Đắk Lắk
3	Năm 2015	52,60%	Công ty cổ phần điện Bắc Nà (thủy điện Bắc Nà)	Lào Cai

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Việc đầu tư cổ phần của các công ty sở hữu nhà máy thủy điện nêu trên luôn đem về cho công ty mức cổ tức ổn định khoảng trên dưới 20%/năm.



Nhà máy thủy điện Sông Ông - Nguồn: CTCP Sông Đà 505



Nhà máy thủy điện Sông Ông - Nguồn: CTCP Sông Đà 505



Nhà máy thủy điện KrôngK'ma - Nguồn: CTCP Sông Đà 505



Nhà máy thủy điện KrôngK'ma - Nguồn: CTCP Sông Đà 505



Nhà máy thủy điện Bắc Nà - Nguồn: CTCP Sông Đà 505



Nhà máy thủy điện Bắc Nà - Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Bên cạnh hoạt động đầu tư, Công ty tập trung vào hai lĩnh vực sau đây:

- Thi công xây lắp các dự án thủy điện, công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Cung cấp các dịch vụ phục vụ thi công xây lắp tại các công trình thủy điện, thủy lợi.

Một số hợp đồng thi công xây lắp các dự án thủy điện của Công ty năm 2016, 2017

Tên	Địa điểm	Hạng mục thi công	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
Thủy điện Xe Set 2	Huyện Lào Ngam, Tỉnh Sanavan - Lào	Đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả	48.777	01/2016
Thủy điện Nậm Mu 2	Xã Mường Mùn - Huyện Tuần Giáo - Tỉnh Điện Biên	Cống dẫn dòng, đập tràn, Cửa nhận nước, Đường ống áp lực, Nhà máy, Kênh xả	48.057	03/2016

Tên	Địa điểm	Hạng mục thi công	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
Thủy điện Khánh Khê	Xã Khánh Khê - Huyện Văn Quan - Tỉnh Lạng Sơn	Đập dâng, đập tràn, dẫn dòng, ĐỒAL, nhà máy, kênh xả, đường thi công	39.950	04/2017
Thủy điện Sơn Giang	Xã Sơn Giang - Huyện Sông Hình - Tỉnh Phú Yên	Cụm bể áp lực, cửa nhận nước, ĐỒAL nhà máy, kênh xả, trạm phân phối điện, đường thi công vận hành	57.967	05/2017

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Việc nhận thi công xây lắp các công trình thủy điện góp phần đóng góp vào doanh thu, lợi nhuận của Công ty bên cạnh hoạt động đầu tư mua cổ phần của các công ty thủy điện.

Bên cạnh đó việc thực hiện thi công xây lắp đảm bảo nguồn thu để duy trì doanh thu, lợi nhuận, việc làm cho cán bộ công nhân viên và quan trọng hơn là góp phần gia tăng tích lũy cho Công ty phục vụ cho các hoạt động đầu tư bền vững (Công ty trực tiếp làm chủ đầu tư, sở hữu, thi công và vận hành thủy điện).

Một số hình ảnh thi công xây dựng các công trình thủy điện của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



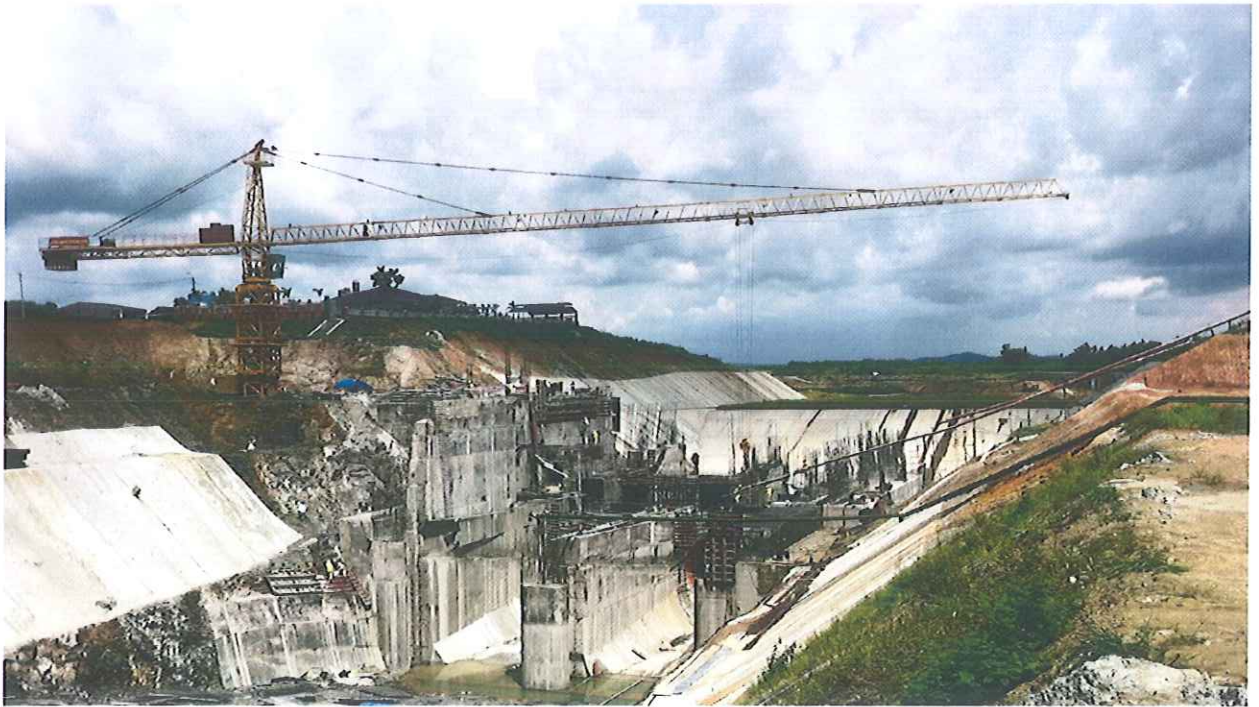
Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



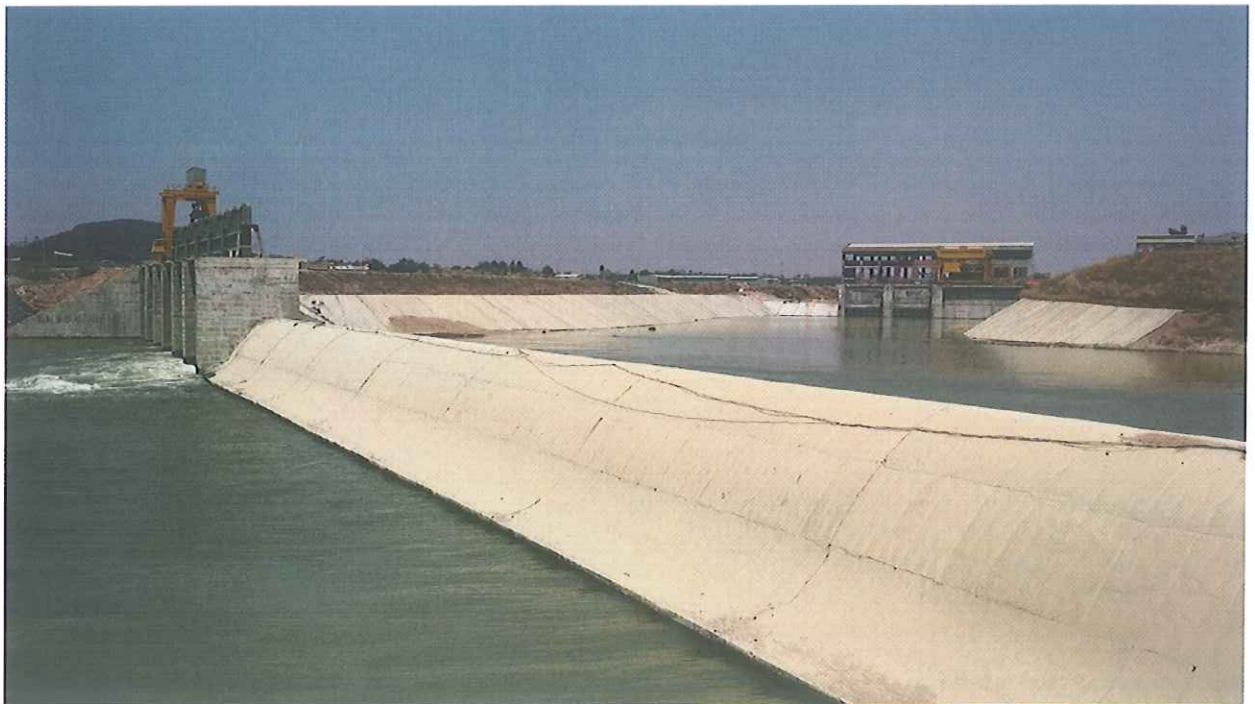
Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505



Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505

7.5 Hoạt động Marketing

Trên thực tế giai đoạn trước năm 2008 Công ty chưa thành lập bộ phận Marketing chuyên biệt vì các công việc của Công ty chủ yếu đảm nhận các Hợp đồng thi công với Tổng công ty Sông Đà do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu theo hình thức chỉ định thầu, cũng trong giai đoạn này Công ty được một số chủ đầu tư đồng ý tham gia thi công một

số gói thầu với các nhà thầu khác ngoài Tổng Công ty Sông Đà do các đơn vị này bị chậm tiến độ nhằm đảm bảo tiến độ chung của công trình đã tạo được uy tín đối với các Chủ đầu tư, đơn vị tổng thầu trong khu vực về tiến độ và chất lượng công trình.

Với những kết quả đã đạt được, uy tín của Công ty dần được khẳng định nên giai đoạn từ 2009 đến nay Công ty chủ yếu chủ động tìm kiếm và tham gia đấu thầu các gói thầu thi công tại một số dự án thủy điện trong nước và đã được một số Chủ đầu tư đánh giá cao và lựa chọn là nhà thầu chính thi công các gói thầu xây lắp đã tạo được công việc tương đối ổn định. Là một đơn vị niềm yết trên thị trường chứng khoán với ngành nghề chủ đạo là thi công xây dựng các dự án thủy điện, Công ty luôn cập nhật minh bạch, trung thực các thông tin về các dự án Công ty đã thi công, thông tin về quản lý, tài chính và năng lực thiết bị, con người trên Website của Công ty như một kênh quảng bá hình ảnh, thương hiệu cho Công ty để các Chủ đầu tư có thêm cơ sở cập nhật đánh giá. Hiện đây là một kênh marketing trung thực và hiệu quả của Công ty.

7.6 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 16/05/2004 và quyết định số 313TCT/HĐQT ngày 08/06/2004 của Hội đồng quản trị TCT Sông Đà về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 5.05 thuộc Công ty Sông Đà 5 thì giá trị thương hiệu Sông Đà (bao gồm cả Lôgô Sông Đà và nhãn hiệu Sông Đà) được xác định bằng 5% vốn điều lệ (tương ứng 350.000.000,đ) nằm trong phần vốn cổ phần của Nhà nước tại Công ty cổ phần Sông Đà 505 được sử dụng trong suốt thời gian hoạt động của Công ty cổ phần.

Đến năm 2012 Công ty cổ phần Sông Đà 5 đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Sông Đà 505, về nguyên tắc Công ty vẫn tiếp tục được sử dụng thương hiệu Sông Đà (bao gồm cả tên Sông Đà và Logo Sông Đà) trong các giao dịch hoạt động của đơn vị. Tuy nhiên hiện nay Công ty không sử dụng Logo của Tổng công ty Sông Đà, bên dưới có hàng chữ “SÔNG ĐÀ 505” mà chỉ sử dụng nhãn hiệu “Sông Đà” theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

7.7 Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Tên	Địa điểm	Nội dung	Tên đối tác trong HĐ	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện*
Thủy điện PleiKrong	Xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Công dẫn dòng, đập dâng, đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, tường chắn, gia cố mái và các công trình lân cận phụ trợ phục vụ ...	Tập đoàn điện lực Việt Nam	78.265	01/08/03	08/2003

Tên	Địa điểm	Nội dung	Tên đối tác trong HD	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện*
Thủy điện Sê san 3A	Xã IaKhai - Huyện IaGrai - Tỉnh Gia Lai	Đập tràn; Đập dâng; Sân tiêu năng; Tuyến năng lượng; Trạm OPY; Gia cố mái dốc; Công trình lán trại và công trình phúc lợi công cộng; một số công tác khác	Công ty phát triển Thủy điện Sê San	192.659	01/12/03	12/2003
Thủy điện Krông K'mar	Xã Hòa Sơn - Huyện Krông Bông - Tỉnh Đắk Lắk	Cụm đầu mối; tuyến đường ống 1; Tháp điều áp, Nhà van; Nhà máy; Kênh dẫn ra; Trạm OPY; Khu QLVH, Cơ khí thủy công	Công ty đầu tư và phát triển Sông Đà	55.364	7/2005	7/2005
Thủy điện Xekaman 3	Huyện Đắk Chưng, tỉnh Sê Kông, CHDCDN Lào	Đập tràn; Bê tông bản mặt; Tháp điều áp; Đường ống áp lực	Công ty cổ phần Thủy điện Việt Lào	353.722	04/04/06	03/2006
Thủy điện Sê San 4	Xã IaO - huyện IaGrai - tỉnh Gia Lai	Đập đất vai phải, vai trái	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	184.762	01/11/06	11/2006
Nhà máy xi măng Hạ Long	Xã Hiệp Phước - Huyện Nhà Bè - TP Hồ Chí Minh	Nhà kho phụ gia thạch cao; Nhà đóng bao; Xưởng sửa chữa; Kho phụ tùng; sân vườn cây xanh, hệ thống điện - tự động hóa, các hạng mục phụ trợ	Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long	63.643	11/2006	11/2006
Thủy điện Sông Ông	xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Nhà máy và kênh xả	Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông	17.652	01/02/08	02/2008
Nhà máy kính nổi Chu Lai	Xã Tam Hiệp - Huyện Núi Thành - Tỉnh Quảng Nam	Phân xưởng trộn nguyên liệu, kho silica	Công ty cổ phần Kính nổi Chu Lai	19.000	05/2008	05/2008
Công trình thủy điện An Khê - Kakanak	Huyện K'Bang và huyện An Khê, tỉnh Gia Lai; huyện Sơn Tây, tỉnh Bình Định	Bê tông bản mặt đập dâng; Đập tràn; Cửa nhận nước; Nhà máy Kakanak và An Khê; Các hạng mục phụ trợ khác; dầm cầu giao thông; cầu công tác; dầm cầu trục	Ban Quản lý Dự án Thủy điện 7 - EVN	230.097	07/02/07	06/2008
Thủy điện Đắk Đoa	xã Đắk Sơ Mei - huyện Đắk Đoa - tỉnh Gia Lai	Nhà máy, đập tràn, bê tông cốt thép cửa nhận nước, tháp điều áp	Công ty cổ phần thủy điện Đắk Đoa	50.000	25/06/08	10/2008
Thủy điện Đắk Pône	xã Đắk Long - huyện Kon Plông - tỉnh Kon Tum	Nhà máy - kênh xả	Công ty CP Đầu tư Điện Lực 3	12.907	28/11/08	11/2008
Thủy điện Krông H'năng	xã Ea Ly - huyện Sông Hinh - tỉnh Phú Yên	Đập tràn xả lũ, cầu giao thông, cầu, tường cánh trái và tường cánh phải	Công ty cổ phần Sông Ba	37.317	09/01/09	01/2009
Thủy điện Hương Điền	xã Hương Vân - huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đập tràn, đường ống áp lực, cầu giao thông	Công ty cổ phần đầu tư HD	65.982	15/02/09	02/2009

Tên	Địa điểm	Nội dung	Tên đối tác trong HĐ	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện*
Thủy điện Đồng Nai 3	xã Lộc Lâm - huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng	Đập tràn	BQL Dự án Thủy điện 6 - EVN	122.402	09/07/09	07/2009
Thủy điện Đăkglun	Xã Bù Gia Mập - Huyện Phước Long và Xã Đăk Nheu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước	Đập chính - Đập tràn, đê quây dọc - cống dẫn dòng, đường thi công, đường điện thi công, lán trại phụ trợ	Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn	288.033	16/07/09	08/2009
Thủy điện Đăk Mi 4C	Xã Phước Hòa - Huyện Phước Sơn - Tỉnh Quảng Nam.	Cống Dẫn Dòng; Đập Dâng, Đập Tràn; Kênh Xả; Tường Biên Phải	Tổng Công ty đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	28.602	15/1/2010	12/2009
Cầu Nước Mỹ	xã Phước Xuân - huyện Phước Sơn - tỉnh Quảng Nam.	Cầu giao thông	Tổng Công ty đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	27.725	01/2010	01/2010
Thủy điện Nậm Pông	Xã Châu Hạnh - huyện Quỳnh Châu - Tỉnh Nghệ An	Cụm công trình đầu mối, nhà máy và tuyến áp lực; Gia cố đường hầm và tháp điều áp	Công ty cổ phần Za hưng	182.328	14/01/11	01/2011
Thủy điện Hủa Na	Xã Đông văn - Huyện Quế Phong - Tỉnh Nghệ An	Nhà máy; tháp điều áp; hầm dẫn nước	Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	265.169	03/2011	03/2011
Thủy điện Đồng Nai 4	Xã Bảo Lộc - Huyện Bảo Lâm - Tỉnh Lâm Đồng	Bê tông hầm dẫn nước	BQL Dự án Thủy điện 6 - EVN	190.202	05/04/11	05/2011
Thủy điện A Lưới	Xã Hồng Hạ - Huyện A Lưới - Thừa Thiên Huế	Hầm dẫn nước	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Trung	99.464	05/12/11	05/2011
Thủy điện Đồng Nai 5	xã Lộc Bắc - huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng	Đập tràn, cống dẫn dòng	Tập đoàn than khoáng sản	108.357	24/12/11	12/2011
Thủy điện Đăkdrinh	Xã Sơn Dung - Huyện Sơn Tây - Tỉnh Quảng Ngãi	Đập tràn	Công ty cổ phần Thủy điện Đăkdrinh	161.000	03/01/12	01/2012
Thủy điện Nậm Mực	Xã Mường Mun - Huyện Tuần Giáo - Tỉnh Điện Biên	Đập dâng vai phải, nhà máy và kênh xả	Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mực	209.395	12/03/12	03/2012
Thủy điện Đam'Bri	Xã Lộc Tân - Huyện Bảo Lâm - Tỉnh Lâm Đồng	Hầm dẫn nước và tháp điều áp	Công ty cổ phần thủy điện Miền Nam (SHP)	142.425	21/05/12	05/2012
Thủy điện Tả Trạch	Xã Dương Hòa - Huyện Dương Thủy - Tỉnh Thừa Thiên Huế	Nhà máy, kênh xả, đường ống áp lực và trạm phân phối	Công ty cổ phần Bitexco Tả Trạch	102.889	28/03/12	06/2012
Thủy điện	Xã Hòa Phú - TP	Tuyến năng lượng	Công ty cổ	141.529	15/08/12	08/2012

Tên	Địa điểm	Nội dung	Tên đối tác trong HĐ	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện*
Hòa Phú	Buôn Mê Thuộc - Tỉnh Đắk Lắk		phần điện Tam Long			
Thủy điện Chi Khê	Xã Chi Khê - Huyện Con cuông - Tỉnh Nghệ An	Công tác chuẩn bị; Đập tràn bê tông; Nhà máy, cửa lấy nước kênh vào, kênh ra; Công tác bê tông công trình dẫn dòng; Trạm phân phối 110KV; Khu nhà quản lý vận hành; Hệ thống cấp điện, cấp nước thi công	Công ty cổ phần năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	316.074	05/08/13	08/2013
Thủy điện Đại Nga	Xã Lộc An - Huyện Bảo Lâm - Tỉnh Lâm Đồng	Hầm dẫn nước; Nhà máy	Công ty cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	126.474	21/02/14	01/2014
Thủy Điện Đắk Nông 2	Phường Nghĩa Tân - Thị xã Gia Nghĩa - Tỉnh Đắk Nông	Cụm đầu mối, tuyến năng lượng và nhà máy	Công ty CP Thủy điện Á Đông	87.666	03/2014	03/2014
Thủy điện Bắc Nà	Xã Bản Liên - Huyện Bắc Hà - Tỉnh Lào Cai	Công tác chuẩn bị, đập dâng bờ trái và phải, đập tràn, cống dẫn dòng, cống xả cát, cửa nhận nước, bể áp lực, đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả...	Công ty CP Thương Mại và Đầu Tư Toàn Cầu DATC	172.272	14/4/2014	04/2014
Thủy Điện Suối Chăn 2	Xã Võ Lao - Huyện Văn Bàn - Tỉnh Lào Cai	Cụm đầu mối; Cống dẫn dòng; Cửa lấy nước; Nhà máy; Trạm Tăng áp	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng VIDIFI	122.641	15/02/14	04/2014
Thủy điện Đa Krông 1	Xã Húc Nghi - Huyện Đa Krông - Tỉnh Quảng Trị	Đập dâng - đập tràn; nhà máy - kênh xả, đường ống áp lực	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	58.998	01/9/2014	09/2014
Thủy Điện Nậm Toống	Xã Bản Hồ - Huyện Sa Pa - Tỉnh Lào Cai	Đập dâng; Đập tràn; Cửa nhận nước; Nhà máy; Kênh xả; Trạm phân phối;	Công ty TNHH MTV Thủy điện Sa Pa	172.470	15/02/14	11/2014
Thủy Điện Châu Thắng	Xã Quế Sơn - Huyện Quế Phong - Tỉnh Nghệ An	Nhà máy, Kênh xả; Cửa nhận nước	Công ty cổ phần PRIME Trung Tín	18.420	01/08/15	08/2015
Thủy Điện Nhạn Hạc	Xã Quế Sơn - Huyện Quế Phong - Tỉnh Nghệ An	Cụm đầu mối; Nhà máy và Tuyến áp lực	Công ty cổ phần Za Hưng	209.967	01/12/15	12/2015
Thủy Điện Đại Bình	Xã Lộc Thành - huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng	Cụm đầu mối, Cửa nhận nước, Đường ống áp lực, Nhà máy, Nhà QL VH, Kênh xả	Công ty cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	133.000	01/12/15	12/2015
Thủy điện Xe Set 2	Huyện Ngam, Lào - Tỉnh Sanavan - Lào	Đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả	Công ty TNHH tự động hóa và giải pháp kỹ thuật Vientiane	48.777	01/01/16	01/2016

Tên	Địa điểm	Nội dung	Tên đối tác trong HĐ	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện*
Thủy điện Nậm Mu 2	Xã Mường Mùn - Huyện Tuần Giáo - Tỉnh Điện Biên	Cống dẫn dòng, đập tràn, Cửa nhận nước, Đường ống áp lực, Nhà máy, Kênh xả	Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Biên	48.057	01/03/16	03/2016
Thủy điện Khánh Khê	Xã Khánh Khê - Huyện Văn Quan - Tỉnh Lạng Sơn	Đập dâng, đập tràn, dẫn dòng, ĐỒAL, nhà máy, kênh xả, đường thi công	Công ty cổ phần thủy điện Xăng	39.950	01/04/17	04/2017
Thủy điện Sơn Giang	Xã Sơn Giang - Huyện Sông Hinh - Tỉnh Phú Yên	Cụm bể áp lực, cửa nhận nước, ĐỒAL nhà máy, kênh xả, trạm phân phối điện, đường thi công vận hành	Công ty cổ phần điện Sơn Giang	57.967	01/05/17	05/2017

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Việc duy trì các gói thầu lớn thường xuyên giúp Công ty đảm bảo công việc ổn định cho 700 - 1.000 người lao động; duy trì quy mô sản lượng, doanh thu hàng năm khoảng 500 tỷ đồng và đảm bảo hiệu quả kinh doanh với mức cổ tức hàng năm 20-25% cho cổ đông của Công ty và tích lũy cho hoạt động đầu tư phát triển bền vững của Công ty.

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	% tăng giảm	Năm 2017 (đồng)
Tổng giá trị tài sản	609.977.991.124	782.898.559.438	28,35	779.492.320.603
Doanh thu thuần	463.441.203.227	307.062.226.467	(33,74)	286.258.898.887
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.749.733.936	38.221.876.751	(6,20)	57.598.363.887
Lợi nhuận khác	11.136.132.999	7.686.147.249	(29,35)	3.928.724.301
Lợi nhuận trước thuế	51.885.866.935	46.090.024.000	(11,17)	61.527.088.188
Lợi nhuận sau thuế	49.730.562.442	41.351.424.121	(16,85)	58.691.799.071
Tỷ lệ cổ tức bằng tiền (chưa kể chia thưởng/ cổ tức bằng cổ phiếu)	25% (trên kết quả kinh doanh của 2014)	20% (trên kết quả kinh doanh của 2015)	-	10% (trên kết quả kinh doanh của 2016)

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất Quý IV 2017

So với năm 2015, giá trị sản lượng và Doanh thu năm 2016 thấp hơn. Nguyên nhân là do trong năm 2016 Công ty không ký kết thêm gói thầu mới, một số dự án thủy điện đang thi công bị dừng giãn tiến độ, hợp đồng thi công thủy điện Nậm Mu 2 chuyển sang chỉ ký nhân công nên giá trị thực hiện giảm. Trong bối cảnh sản lượng và doanh thu giảm như vậy nhưng Công ty vẫn đảm bảo tổng lợi nhuận sau thuế cả năm 2016 đạt kế hoạch đề ra. Một điểm sáng khác là các khoản đầu tư của công ty vào các công ty con và công ty liên kết đã bắt đầu có lãi do các dự án thủy điện tại các công ty này đã phát điện thương mại.

Bước sang năm 2017, trong điều kiện cạnh tranh và tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, Công ty chưa ký kết thêm gói thầu mới nên sản lượng và doanh thu có thể không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, quyền lợi của cổ đông Công ty sẽ vẫn được đảm bảo vì Công ty dự kiến sẽ hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận của năm 2017 do các khoản đầu tư của Công ty vào một số công ty thủy điện sẽ sinh lời góp phần đảm bảo lợi nhuận 2017 của Công ty.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

➤ Những thuận lợi cơ bản

- Công ty đã tạo dựng được thương hiệu trong lĩnh vực thi công các Dự án thủy điện trong cả nước về các cam kết tiến độ và chất lượng, khẳng định được uy tín đối với các Chủ đầu tư, đơn vị tổng thầu trong khu vực tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận thi công các dự án mới.
- Các dự án Thủy điện Công ty đầu tư và góp vốn đầu tư đã đi vào vận hành, khai thác ổn định đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư, tạo nguồn lợi nhuận ổn định từ lĩnh vực đầu tư sản xuất điện.
- Sự chỉ đạo đúng đắn của lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết gắn bó của các phòng ban nghiệp vụ, sự hăng hái thi đua sản xuất của tập thể cán bộ công nhân viên, ... đã tạo nên một động lực lớn trong việc triển khai tổ chức sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.
- Sau khi ký kết Hợp đồng thi công các gói thầu, Công ty luôn bám sát các điều khoản cam kết giữa nhà thầu với chủ đầu tư, cùng xem xét thực tế từng công trình để đưa ra giải pháp thi công tối ưu đồng thời kiểm soát chặt chẽ biện pháp, khối lượng trong thi công và các pháp lý cần thiết trong quá trình thực hiện hợp đồng đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro và thu hồi vốn kịp thời, đồng thời Công ty tổ chức giao khoán nội bộ cho từng công trình phù hợp với từng điều kiện công việc cụ thể trên nguyên tắc nhằm đảm bảo mục tiêu lợi nhuận và hài hòa lợi ích của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế Công ty.

- Công ty đã chủ động được phần lớn lượng vật tư và các chi phí đầu vào khác trên cơ sở chào giá cạnh tranh của các đối tác cung cấp làm giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh.
- Các thiết bị, công cụ dụng cụ sản xuất chính của Công ty đã cơ bản được khấu hao hết vào giá thành từ các công trình trước đó, là yếu tố cơ bản giảm giá thành, tăng lợi nhuận.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân vận hành lành nghề, kinh nghiệm lâu năm, có kiến thức và hiểu biết sâu sắc về thi công Thủy điện được trải qua làm việc tại các công trình thủy điện khác nhau, giúp cho Công ty luôn thực hiện tốt các yêu cầu của chủ đầu tư và đảm bảo cho các sản phẩm của Công ty đạt chất lượng cao nhất, với thời gian thi công nhanh nhất.
- Sự chỉ đạo và đề ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các cấp lãnh đạo là nhân tố lớn làm nên thắng lợi của Công ty trong năm qua.

➤ Những khó khăn chủ yếu

- Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty phần lớn làm công tác kiêm nhiệm nên chưa phát huy được tối đa vai trò trong quản lý và chỉ đạo SXKD.
- Điều kiện tiếp cận các gói thầu thi công dự án thủy điện ngày càng hạn chế về điều kiện triển khai các dự án trong nước và tính chất cạnh tranh khắc nghiệt, giá thấp dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, rủi ro khi chủ đầu tư nợ đọng vốn.
- Các công trình công ty tham gia thi công phân tán tại nhiều địa bàn cách xa nhau làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và chỉ đạo SXKD kéo theo bộ máy mở rộng, phát sinh chi phí quản lý.
- Việc huy động nguồn vốn trong thanh toán của một số chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến một số công trình đơn vị tham gia thi công kéo dài, thiếu vốn trong thanh toán dẫn đến công tác nghiệm thu thanh toán chậm trễ kéo dài đặc biệt là đối với công trình đã kết thúc thi công nhưng chưa được thanh toán, đơn vị phải đi vay với lãi suất cao làm gia tăng chi phí tài chính.
- Công nợ tại các dự án thủy điện do TCT Sông Đà làm tổng thầu chiếm tỷ trọng lớn, việc thu hồi gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD và quyết định cơ hội đầu tư.
- Giá cả các loại nguyên nhiên, vật liệu đầu vào không ổn định làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD đối với các gói thầu cố định giá.

- Chính sách tiền tệ thiếu tính ổn định, doanh nghiệp có thể khó tiếp cận vốn hoặc phải vay với lãi suất cao khi mở rộng SXKD hoặc thiếu vốn do chủ thầu thanh toán chậm.
- Việc định hướng và hoạch định chiến lược dài hạn thuộc nhiệm vụ của HĐQT gặp khó khăn trong điều kiện các dự án thủy điện trong nước ngày càng bị thu hẹp, tiếp cận các dự án tương tự tại các nước lân cận bị hạn chế do thiếu thông tin, mối quan hệ và năng lực đấu thầu quốc tế. Việc mở rộng sang lĩnh vực khác gặp rất nhiều khó khăn do thiếu tính đồng bộ và khả năng cạnh tranh yếu.
- Mục tiêu của Công ty trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư xây dựng, vận hành các dự án thủy điện vừa và nhỏ, hiệu quả gặp nhiều hạn chế do các dự án này còn rất ít nên việc tìm kiếm, nghiên cứu và quyết định đầu tư gặp khó khăn bởi phải đòi hỏi nguồn vốn đối ứng lớn, rủi ro trong khi đầu tư vào các dự án khác đã đi vào vận hành sẽ phải mua với giá cao, thời gian thu hồi vốn đầu tư lâu.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của công ty trong ngành

Hiện nay trong lĩnh vực xây lắp thủy điện, đã xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh thuộc các Tổng công ty có tên tuổi lớn như: Các công ty con của TCT Sông Đà, Tổng công ty LICOGI, Tổng công ty cơ điện nông nghiệp và thủy lợi, Công ty cổ phần XD47, ... đây là những đơn vị có thế mạnh về vốn đầu tư, xe máy thiết bị nhiều, phạm vi hoạt động kinh doanh rộng, sẵn sàng tham gia thi công các công trình thủy điện lớn của đất nước và có khả năng cạnh tranh trực tiếp với doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với đội ngũ cán bộ công nhân viên dày dặn kinh nghiệm, khả năng tổ chức phối hợp thi công tốt, hệ thống máy móc thiết bị mới và đồng bộ, Công ty cổ phần Sông Đà 505 đã khẳng định được vị thế, uy tín của mình đối với các chủ đầu tư, sẵn sàng đảm nhận thi công các công trình trọng điểm, đặc biệt là các dự án thủy điện vừa và nhỏ đảm bảo chất lượng, tiến độ.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển cao, những năm gần đây thường xuyên dao động trong khoảng 5% - 7% và được dự báo là sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 với mục tiêu cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,86%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030. Theo đó, đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối v.v...), từng bước gia tăng tỷ trọng của điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện.

Cụ thể, ưu tiên phát triển các nguồn thủy điện, nhất là các dự án lợi ích tổng hợp (chống lũ, cấp nước, sản xuất điện); nghiên cứu đưa nhà máy thủy điện tích năng vào vận hành phù hợp với phát triển của hệ thống điện quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống điện. Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW lên khoảng 21.600 MW vào năm 2020, khoảng 24.600 MW vào năm 2025 (thủy điện tích năng 1.200MW) và khoảng 27.800 MW vào năm 2030 (thủy điện tích năng 2.400MW). Điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện chiếm tỷ trọng khoảng 29,5% vào năm 2020, khoảng 20,5% vào năm 2025 và khoảng 15,5% vào năm 2030.

Đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng mặt trời, bao gồm cả nguồn tập trung lắp đặt trên mặt đất và nguồn phân tán lắp đặt trên mái nhà: Đưa tổng công suất nguồn điện mặt trời từ mức không đáng kể hiện nay lên khoảng 850 MW vào năm 2020, khoảng 4.000 MW vào năm 2025 và khoảng 12.000 MW vào năm 2030. Điện năng sản xuất từ nguồn điện mặt trời chiếm tỷ trọng khoảng 0,5% năm 2020, khoảng 1,6% vào năm 2025 và khoảng 3,3% vào năm 2030.

Phát triển các nhà máy nhiệt điện với tỷ lệ thích hợp, phù hợp với khả năng cung cấp và phân bố của các nguồn nhiên liệu. Trong đó, khai thác tối đa nguồn than trong nước cho phát triển các nhà máy nhiệt điện, ưu tiên sử dụng than trong nước cho các nhà máy nhiệt điện khu vực miền Bắc. Đến năm 2020, tổng công suất khoảng 26.000 MW, sản xuất khoảng 131 tỷ kWh điện, chiếm khoảng 49,3% điện sản xuất, tiêu thụ khoảng 63 triệu tấn than; năm 2025, tổng công suất khoảng 45.800 MW, sản xuất khoảng 220 tỷ kWh điện, chiếm khoảng 55% điện sản xuất.

Phát triển các nhà máy điện hạt nhân nhằm bảo đảm ổn định cung cấp điện trong tương lai khi nguồn năng lượng sơ cấp trong nước bị cạn kiệt. Cụ thể, đưa tổ máy điện hạt nhân đầu tiên vào vận hành năm 2028; đến năm 2030 nguồn điện hạt nhân có công suất 4.600 MW, sản xuất khoảng 32,5 tỷ kWh chiếm 5,7% sản lượng điện sản xuất.

Như vậy nhu cầu về phát triển nguồn điện từ các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ vẫn còn tiếp tục duy trì đến 2030 và trên thực tế hiện nay vẫn đang được tiếp tục quy hoạch, xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ tại các khu vực Miền Trung Tây nguyên và các tỉnh vùng Tây Bắc, mở ra cơ hội trong việc tiếp cận và duy trì ngành nghề xây dựng thủy điện trong những năm tiếp theo.

Ngoài ra Công ty sẽ làm tổng thầu phần xây dựng, lắp đặt đối với 02 dự án thủy điện Nậm Bùm 1 do Công ty cổ phần EHULA làm chủ đầu tư triển khai vào giai đoạn 2018-2019 và Nậm Bùm 2 giai đoạn 2020-2022.

Đây là điều kiện vô cùng thuận lợi cho những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các Công trình thủy điện nói chung và xây dựng cơ sở hạ tầng nói riêng trên địa bàn.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nhu cầu về năng lượng nói chung, điện nói riêng sẽ gia tăng không ngừng. Nhận thức được tầm quan trọng của của ngành điện nói chung và điện tái tạo như thủy điện nói riêng, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia cho cả giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030. Và năm 2016, Quy hoạch này đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển của đất nước. Điều này thể hiện việc phát triển ngành điện nói chung và thủy điện nói riêng đang hết sức được coi trọng.

Trên thế giới, việc phát triển năng lượng tái tạo, trong đó có thủy điện cũng là xu hướng chung được ưu tiên phát triển.

Vì vậy, trong tương lai, định hướng tiếp tục phát triển lĩnh vực đầu tư, thi công xây lắp các công trình thủy điện của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành điện và xu hướng của đất nước, của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

❖ **Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty**

Tại thời điểm 30/09/2017, tổng số lao động trong Công ty là 646 người. Cơ cấu như sau:

Loại lao động (Phân theo trình độ học vấn)	Số lượng	Tỷ lệ
Trên đại học	64	9,9%
Đại học	5	0,8%
Cao đẳng	20	3,1%
Trung cấp	557	86,2%
Công nhân kỹ thuật	64	9,9%
Tổng cộng	646	100%

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

Chế độ làm việc

- Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

- Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động. Công ty đã tổ chức huấn luyện về công tác an toàn lao động cho các cán bộ quản lý và kiện toàn mạng lưới an toàn vệ sinh lao động đồng thời xây dựng hệ thống văn bản về công tác bảo hộ lao động phù hợp với điều kiện thực tế cho từng ngành nghề và từng công trường để người lao động thực hiện. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động. Do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là địa bàn thi công dần trải nhiều nơi song Công ty đã cố gắng bố trí xe đưa đón công nhân đi làm.
- Công ty giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ khác đối với người lao động như chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ ốm đau thai sản, chế độ nghỉ hưu... Bên cạnh đó, công ty luôn quan tâm giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sỹ, các gia đình có công với sự nghiệp xây dựng của Công ty, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...
- Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn tổ chức nhiều đợt thi đua lao động sản xuất, các hoạt động thể thao, văn hóa nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động trong nội bộ cũng như hưởng ứng các đợt phát động phong trào thi đua tại các công trường

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về mọi mặt, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, lao động với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.
- Xây dựng chế độ bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp đối với đội ngũ sinh viên giỏi mới ra trường, chuyên gia trình độ cao.
- Hàng năm tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí để cử CBCNV có triển vọng và nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty trong những lĩnh vực cần thiết đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.
- Kiện toàn bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo hướng tinh giảm tối đa, sắp xếp biên chế theo chức năng nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu SXKD.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động:

- Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Tiền lương được trả hàng tháng cho từng vị trí, cấp bậc, loại nhân viên, phục vụ dựa trên mức độ cống hiến, hiệu quả, mức độ hoàn thành công việc và tổng quỹ lương khoán theo quy mô.

- Đối với lao động trực tiếp: Công ty trả lương cho CBCNV theo quy chế trả lương khoán do Giám đốc công ty phê duyệt trên cơ sở sản phẩm hoàn thành và đơn giá định mức nội bộ.
- Gắn trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm, ổn định việc làm cho người lao động. Nâng cao năng suất lao động, ý thức trách nhiệm tiết kiệm chi phí, hiệu quả trong công việc hướng tới chọn lựa các đối tượng thực sự có năng lực có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cho từng vị trí và đào thải những đối tượng không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong dây chuyền sản xuất, thu hút và khuyến khích người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.
- Công ty luôn đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CBCNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động.

Bên cạnh đó, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Hàng năm, hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp xét khen thưởng căn cứ vào danh sách đề nghị khen thưởng của các phòng ban Công ty, chi nhánh và các công trường trực thuộc.

Công ty có chính sách phúc lợi hợp lý đối với người lao động với tổng mức bình quân một triệu đồng/năm. Trong đó bao gồm chi trợ cấp khó khăn, chi phong trào văn hoá thể thao, bồi dưỡng cán bộ nhân dịp lễ Tết, chi ủng hộ... Ngoài ra, công ty tổ chức cho Cán bộ Công nhân viên đi tham quan, du lịch hàng năm nhằm khuyến khích động viên kịp thời, gắn bó người lao động với Công ty.

❖ Mức lương bình quân

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương đảm bảo quyền lợi của người lao động trên nguyên tắc khuyến khích động viên những lao động có trình độ kỹ thuật, chuyên môn cao, làm việc có trách nhiệm và luôn vì lợi ích của Công ty.

Chỉ tiêu	2014 (nghìn đồng)	2015 (nghìn đồng)	2016 (nghìn đồng)	KH 2017 (nghìn đồng)
Mức lương bình quân/ tháng	7.100	7.805	7.413	7.100

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

11. Chính sách cổ tức

Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để xây dựng chỉ tiêu cổ tức, phương án phân phối cổ tức theo đề trình của Hội đồng quản trị. Căn cứ kế hoạch hàng

năm, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng các biện pháp nhằm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh và chia cổ tức.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Tỷ lệ cổ tức của Công ty một số năm

Năm	Tỷ lệ cổ tức
2008	7% bằng tiền mặt
2009	20% bằng tiền mặt
2010	20% bằng tiền mặt
2011	25% bằng tiền mặt
2012	20% bằng tiền mặt
2013	20% bằng tiền mặt
2014	20% bằng tiền mặt
2015	25% bằng tiền mặt, thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1
2016	20% bằng tiền mặt
2017	10% bằng tiền mặt, cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10:2

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Quyết định tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông được căn cứ theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Những năm vừa qua Công ty luôn duy trì hoạt động ổn định trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động và trả cổ tức đều đặn, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông của Công ty.

12. Tình hình tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được công bố và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Chính phủ và Bộ Tài chính.

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

STT	Nguồn vốn	31/12/2015 (Đồng)	31/12/2016 (Đồng)	31/12/2017 (Đồng)
1	Vốn điều lệ	49.920.000.000	49.920.000.000	59.903.490.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	43.125.212.265	43.125.212.265	43.125.212.265
3	Quỹ Đầu tư phát triển	85.817.218.941	119.764.422.258	136.415.721.351
4	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.730.562.442	46.150.783.246	69.349.289.451
	Tổng cộng	228.592.993.648	258.960.417.769	308.793.713.067

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý IV năm 2017

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Thông thường, quỹ đầu tư phát triển thường trích 60 - 70%, quỹ khen thưởng phúc lợi 5 - 10% của lợi nhuận sau thuế.

Tình hình nguồn vốn kinh doanh:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
I	Nợ phải trả	209,5	169,5	137,5	329,2	459,9	403,7
1	Nợ ngắn hạn	208,8	169,1	137,5	213,1	185,6	164,8
2	Nợ dài hạn	0,7	0,4	0	116,1	274,3	238,9
II	Vốn chủ sở	227,5	258,6	291,0	280,8	323,0	375,7
	Tổng cộng nguồn vốn	437,1	428,1	428,6	609,9	782,9	779,4

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

Tình hình vốn chủ sở hữu:

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Vốn chủ sở hữu	227,5	258,6	291,0	280,8	323,0	375,7
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	49,9	49,9	59,9	49,9	49,9	59,9
Thặng dư vốn cổ phần	43,1	43,1	43,1	43,1	43,1	43,1
Quỹ đầu tư phát triển	83,3	117,3	136,4	83,8	119,7	136,4
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48,7	45,8	49,1	49,7	46,1	69,3
Lợi ích cổ đông thiểu số				52,2	64,1	64,4

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

Tình hình tài sản (sử dụng vốn kinh doanh):

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	296,1	272,1	225,6	342,2	291,5	255,9
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,5	70,4	72,3	70,0	84,7	74,0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79,1	0,1	0,1	85,1	5,1	16,4
Các khoản phải thu ngắn hạn	146,3	179,5	117,5	156,9	177,6	128,3
Hàng tồn kho	23,3	20,9	33,7	23,3	20,9	33,7
Tài sản ngắn hạn khác	4,0	1,1	1,8	7,1	3,2	3,3
TÀI SẢN DÀI HẠN	127,6	156,1	202,9	251,2	491,4	523,5
Tài sản cố định	16,6	14,5	9,6	17,2	15,0	405,5
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	180,5	399,4	26,1
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	102,4	133,3	185,2	44,6	68,1	70,4

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Tài sản dài hạn khác	8,6	8,3	8,1	8,9	8,9	21,4
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	423,6	428,1	420,9	593,4	782,9	779,4

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 50 năm
- Máy móc thiết bị: 1,5 – 20 năm
- Phương tiện vận tải: 3 – 8 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 – 12 năm

❖ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của Công ty các năm qua đạt trên 7 triệu đồng/ tháng. Mức lương bình quân này được đánh giá là khá so với doanh nghiệp trong ngành, phù hợp với kinh nghiệm và trình độ của lao động Công ty. Mức lương bình quân của Công ty năm 2015, 2016 và kế hoạch năm 2017 như sau:

Tiêu chí	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	KH Năm 2017
Mức lương bình quân	Đồng/ người/ tháng	7.805	7.413	7.100

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC 9 tháng năm 2017, Công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ kê khai và nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn, thực theo đúng luật và các quy định về thuế.

Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Thuế GTGT	942,3	3.478,3	334,43	942,3	3.478,3	2.473,95
Thuế TNDN	170,1	3.994,8	3.163,06	170,1	3.994,8	3.163,06
Thuế TNCN	3,6	80,8		3,6	80,8	19,63
Thuế tài nguyên	-	-		-	-	260,50
Thuế khác	-	(0,04)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.115,9	7.553,8	3.497,49	1.115,9	7.553,8	5.917,14

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Số dư trích lập các quỹ:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Quỹ Đầu tư phát triển	83,3	117,3	136,4	83,3	117,3	136,4
Quỹ Dự phòng tài chính	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2,6	2,1	2,4	2,6	2,1	2,4

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

❖ Tổng dư nợ vay

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng năm 2017, Công ty không có nợ quá hạn.

Dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	53,4	67,1	25,9	53,4	73,8	60,1
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	115,2	273,9	238,9
TỔNG CỘNG	53,4	67,1	25,9	168,6	347,7	299,0

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

Các khoản Vay và nợ ngắn hạn (theo BCTC hợp nhất):

Nguồn tài trợ	31/12/2015		31/12/2016		31/12/2017	
	Số tiền	Mục đích sử dụng	Số tiền	Mục đích sử dụng	Số tiền	Mục đích sử dụng
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Gia Lai	21,2	Bổ sung vốn lưu động	20,9	Bổ sung vốn lưu động	11,7	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Láng Hạ	29,0	Bổ sung vốn lưu động	22,8	Bổ sung vốn lưu động	-	
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Hà Tây	-	-	10,1	Bổ sung vốn lưu động	-	
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Thanh Xuân	-	-	6,6	Bổ sung vốn lưu động	21	Đầu tư DA TĐ Bắc Nà
Ngân hàng công thương VN - CN Đắk Lắk	-	-	-	-	12,9	-
CBCNV	3,1	Bổ sung vốn lưu động	13,1	Bổ sung vốn lưu động	14,5	Bổ sung vốn lưu động
TỔNG CỘNG	53,4	Bổ sung vốn lưu động	73,8		60,1	

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất 30/09/2017.

Các khoản Vay và nợ dài hạn (theo BCTC hợp nhất):

Nguồn tài trợ	31/12/2015		31/12/2016		31/12/2017	
	Số tiền	Mục đích sử dụng	Số tiền	Mục đích sử dụng	Số tiền	Mục đích sử dụng
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Thanh Xuân	115,1	Đầu tư DA TĐ Bắc Nà	273,9	Đầu tư DA TĐ Bắc Nà	238,9	Đầu tư DA TĐ Bắc Nà
TỔNG CỘNG	115,1		273,9		238,9	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý IV năm 2017.

❖ Tình hình công nợ hiện nay**Tổng số nợ phải thu**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Phải thu của khách hàng	215,9	241,0	180,3	215,9	236,3	180,4
Trả trước cho người bán	3,3	1,5	4,1	13,5	3,9	6,7
Phải thu về cho vay ngắn hạn						
Các khoản phải thu khác	1,2	11,1	7,1	-	11,5	15,2
Dự phòng phải thu khó đòi	(74,1)	(74,1)	(74,0)	0,0	(74,1)	(74,0)
TỔNG CỘNG	146,3	179,5	117,5	229,4	177,6	128,3

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

Trong số Tổng số nợ phải thu, Công nợ phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn. Đây chủ yếu là công nợ phải thu các dự án do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu với số tiền 81,8 tỷ và các khoản giữ lại bảo hành, chờ quyết toán công trình. Việc trích lập dự phòng của Công ty chủ yếu là các khoản công nợ đã lâu chưa thu được thuộc các dự án do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu và một số khoản nợ đã quyết toán, đủ điều kiện thanh toán trên 6 tháng nhưng chưa được chủ đầu tư thanh toán. Việc trích lập dự phòng nhằm đảm bảo an toàn tình hình tài chính của Công ty khi phát sinh rủi ro.

❖ Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Nợ ngắn hạn	208,8	169,1	137,5	203,9	185,6	164,8
Phải trả người bán ngắn hạn	48,4	38,0	35,7	58,2	46,4	42,1
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	45,4	20,0	33,6	39,4	20,0	15,6
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1,1	7,6	3,4	0,8	7,6	5,9
Phải trả người lao động	17,7	11,4	11,8	17,8	11,9	12,7
Chi phí phải trả ngắn hạn	1,2	3,0	3,8	1,2	3,5	4,3
Phải trả ngắn hạn khác	15,1	3,3	9,2	15,5	3,7	10,1
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	53,4	67,1	25,9	53,4	73,8	60,1
Dự phòng phải trả ngắn hạn	23,9	16,8	11,4	15,0	16,8	11,4
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,6	2,1	2,4	2,6	2,1	2,4
Nợ dài hạn	0,7	0,4	0	115,9	274,3	238,9
Phải trả dài hạn khác	0,7	0,4	0	0,7	0,4	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				115,2	273,9	238,9
TỔNG CỘNG	209,5	169,5	137,5	319,8	459,9	403,7

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

- Phải trả người bán: Đây là các khoản nợ phải trả các nhà cung cấp với thời gian chậm trả 30 đến 45 ngày và Công ty đảm bảo thanh toán đúng hạn từ nguồn tiền gửi và các khoản phải thu được chủ đầu tư thanh toán hàng kỳ.
- Người mua trả tiền trước: Đây là các khoản ứng hợp đồng của một số chủ đầu tư và được khấu trừ dần vào giá trị khối lượng hoàn thành.
- Phải trả người lao động: Đây là tiền lương tháng 08, tháng 09 năm 2017, tiền phép, thu lao HĐQT, BKS chưa chi trả đến 30/09/2017. Công ty sẽ hoàn thành việc chi trả tiền trong tháng 10/2017.

- Phải trả ngắn hạn khác: Chủ yếu là khoản tiền BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn chưa chi dùng tháng 9/2017 và khoản lãi dự kiến phải trả do huy động vốn của CBCNV. Công ty sẽ thực hiện chi trả tiền BHXH, BHYT và BHTN cho BHXH Tỉnh Gia Lai trong quý tháng 10/2017, khoản lãi phải trả CBCNV sẽ thực hiện chi trả khi đáo hạn.
- Dự phòng phải trả ngắn hạn: Đây là khoản dự phòng tiền lương năm 2017 được tính 17% trên quỹ lương thực trả năm 2016 theo qui định nhằm đảm bảo an toàn về tài chính khi phát sinh sự cố phải dừng việc đề trợ cấp cho người lao động. Tuy nhiên khoản dự phòng này gần như không phải chi do khả năng dừng việc gần như không xảy ra.

Các khoản nợ trên đều có đầy đủ hồ sơ và đối chiếu nên không phát sinh khoản nợ xấu.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		2015	2016	2017	2015	2016	2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,4	1,6	1,6	1,7	1,6	1,6
Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,3	1,5	1,4	1,5	1,4	1,3
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
Hệ số Nợ/ Tổng Tài sản	%	48%	40%	32%	54%	59%	52%
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	92%	66%	47%	117%	142%	107%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	13,0	15,1	7,1	10,9	12,1	7,5
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	%	122,9%	88,3%	53,1%	76,0%	39,2%	36,7%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	9,1%	11,1%	16,9%	9,2%	13,3%	20,5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	21,4%	16,3%	13,2%	15,5%	6,1%	15,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	11,1%	9,8%	9,0%	8,2%	5,3%	7,5%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,4%	10,5%	16,5%	8,8%	12,4%	20,1%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		2015	2016	2017	2015	2016	2017
Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	8.430	9.752	6,409	9.762	8.284	8,232

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và hợp nhất năm 2015, 2016 đã kiểm toán, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2017.

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	ĐẶNG QUANG ĐẠT	Chủ tịch HĐQT
2	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	Ủy viên HĐQT
3	VŨ SƠN THỦY	Ủy viên HĐQT
4	ĐẶNG VĂN TUYẾN	Ủy viên HĐQT
5	NGUYỄN HOÀI THANH	Ủy viên HĐQT

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

(1) Ông ĐẶNG QUANG ĐẠT – Chủ tịch HĐQT – Giám đốc điều hành

- Ngày sinh : 12/03/1962.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Hưng Yên.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Số CMTND : 013399955.
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
- Nơi ở hiện nay : Số 5, Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công trình ngầm.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
1985 - 1991	Trung tâm thiết kế thủy điện Hòa Bình	Thiết kế thi công Công ty công trình ngầm
1991 - 1993	Công trường Selabam - Lào	Đội trưởng Đội khoan nổ
1993 - 1995	TCT Sông Đà - Hòa Bình	Cán bộ Kỹ thuật Phòng kỹ thuật
1995 - 1996	TCT Sông Đà	Cán bộ Kỹ thuật Phòng kỹ thuật đại diện TCT Sông Đà tại Italy
1996 - 1999	Công ty Sông Đà 5	Phó Giám đốc Xí nghiệp vận tải
2000 - 2001	Công ty Sông Đà 5	Phó Phòng kỹ thuật Chi nhánh 501 -
2001 - 2002	Công ty Sông Đà 5	Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 501 -
2003 - 8/2004	Công ty Sông Đà 5	Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 505
9/2004 - nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 807.968 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:
 - + Nguyễn Thị Hương (Vợ): 267.840 cổ phần
 - + Đặng Minh Huệ (Con): 48.000 cổ phần
 - + Đặng Tất Thành (Con): 24.000 cổ phần
 - + Đặng Thị Dự (Chị ruột): 2.400 cổ phần
 - + Đặng Quang Điện (Em ruột): 240 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Công ty cổ phần Ani: 9,82%.
 - Các khoản nợ đối với Công ty : không.
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Ông Đạt hiện nắm giữ 1% vốn cổ phần tại CTCP EHULA - Công ty con của S55. Thông tin của CTCP EHULA:
 - + Mã số doanh nghiệp: 6200065527.
 - + Trụ sở: Bản Nà Hừ, Xã Bum Nưa, Huyện Mường Tè, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam.
 - + Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng và vận hành công trình thủy điện.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
- Chủ tịch HĐQT tại các Công ty:
- + Công ty cổ phần Ehula;
 - + Công ty cổ phần điện Bắc Nà;

- + Công ty cổ phần đầu tư AnZen;
- + Công ty cổ phần ANi

(2) Ông NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG – Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc

- Ngày sinh : 19/10/1960.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Hà Tĩnh.
- Số CMTND : 042062000023.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Nơi ở hiện nay : A32 TT7 Văn Quán - Phúc La - Hà Đông - Hà Nội.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi.
- Trình độ ngoại ngữ : chứng chỉ C Anh văn.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
8/1985 11/1985	- Công ty xây dựng công trình ngầm- TCT Sông Đà.	Kỹ thuật viên
11/1985 03/1986	- Công ty xây dựng thủy công (Sông Đà 6) - TCT Sông Đà.	Nhân viên Phòng thiết kế -
03/1986 09/1990	- Công ty xây dựng thủy công - TCT Sông Đà.	Đội trưởng, Trưởng phòng kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Thủy công 3
10/1990 01/1996	- Công ty xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn (Sông Đà 5) - TCT Sông Đà.	Đội trưởng, Trưởng phòng kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Thủy công 1; Phó Giám đốc Xí nghiệp thủy công 3
02/1996 05/2001	- Công ty Xây dựng Sông Đà 5	Trưởng phòng kỹ thuật; Phó giám đốc Kinh tế kỹ thuật kế hoạch ; Giám đốc Chi nhánh Sông Đà 5 tại YaLy - Gia Lai.
06/2001 03/2015	- Công ty Liên doanh tư vấn xây dựng Sông Đà-Ucrin.	Giám đốc, phó giám đốc
04/2015 - nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Công ty cổ phần Ani: 9,82%.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : UV HĐQT tại Công ty CP Ehula.

(3) Ông VŨ SƠN THỦY – Ủy viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng

- Sinh ngày : 22/07/1977.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Hải Dương.
- Số điện thoại : 024 62659 505
- Số CMTND : 013023777
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng.
- Nơi ở hiện nay : Ngõ 217 Đội Cấn - Q. Ba Đình - Hà Nội.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính- kế toán.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2000 - 2002	Xí nghiệp 501 - Công ty Xây Dựng Sông Đà 5	Nhân viên Kế toán
2003 - 08/2004	Xí nghiệp 505 - Công ty Xây Dựng Sông Đà 5	Nhân viên Kế toán
09/2004 - Nay	Công ty cổ phần Sông Đà 505	Kế toán trưởng

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 198.732 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Ông Thủy hiện nắm giữ 1% vốn cổ phần tại CTCP EHULA - Công ty con của S55. Thông tin của CTCP EHULA:
 - + Mã số doanh nghiệp: 6200065527.
 - + Trụ sở: Bản Nà Hừ, Xã Bum Nưa, Huyện Mường Tè, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam.
 - + Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng và vận hành công trình thủy điện.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : không.

(4) Ông ĐẶNG VĂN TUYẾN – Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh : 22/01/1962.
- Ngày sinh : 18/03/1971.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Thái Bình.
- Số CMTND : 150979733.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Nơi ở hiện nay : Thôn Nứa - Liên Hiệp - Hưng Hà - Thái Bình.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
07/1990 - 10/1990	Công ty xây dựng dân dụng Sông Đà - TCT Sông Đà.	Cán bộ kỹ thuật
11/1990 - 05/1995	Công ty XD thủy điện Vĩnh Sơn - TCT Sông Đà.	Cán bộ kỹ thuật
06/1995 - 12/2002	- Công ty xây dựng Sông Đà 5	Cán bộ kỹ thuật
01/2003 - 03/2004	- Xí nghiệp Sông Đà 505 - Công ty xây dựng Sông Đà 5	Trưởng Ban Kinh tế - Kỹ thuật
04/2004 - 08/2004	- Xí nghiệp Sông Đà 505 - Công ty xây dựng Sông Đà 5	Phó giám đốc
09/2004 - Nay	- Công ty Cổ phần Sông Đà 505	Phó Giám đốc

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 216.000 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : không.

(5) Ông NGUYỄN HOÀI THANH – Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh : 16/09/1983.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Ninh Bình.
- Số CMTND : 013438967.
- Số điện thoại : (84-24) 2222.9999.
- Nơi ở hiện nay : Số 8, Lương Đình Cửa, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2006 - 2012	Công ty cổ phần Công nghệ và đầu tư Vinafins	Sáng lập viên – Thành viên Hội đồng quản trị -
2012 - 04/2014	Công ty cổ phần Công nghệ và đầu tư Vinafins	Chủ tịch Hội đồng quản trị
05/2014 - Nay	Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	Trưởng bộ phận kinh doanh cổ phiếu niêm yết

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Trưởng bộ phận kinh doanh cổ phiếu niêm yết - Công ty tài chính Cổ phần Điện lực.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày sinh	CMND/ Hộ chiếu
1	ĐẶNG QUANG ĐẠT	Tổng giám đốc	12/03/1962	013399955
2	TRẦN THÁI BÌNH	Phó Tổng Giám đốc	29/05/1975	013654482
3	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	Phó Tổng Giám đốc	19/10/1960	042062000023
4	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Phó Tổng Giám đốc	22/02/1972	201803608
5	LÊ VĂN PHÚC	Phó Tổng Giám đốc	15/03/1964	113259531

Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc

(1) Ông ĐẶNG QUANG ĐẠT – Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

(2) Ông NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG – Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc

Như đã trình bày trong sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

(3) Ông TRẦN THÁI BÌNH – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 29/05/1975.
- Giới tính : Nam..
- Nơi sinh : Nam Định.
- Số CMTND : 013654482.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Nơi ở hiện nay : Số 14 - Ngõ 326 - Thanh Xuân - Hà Nội.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2002 - 2004	Xí nghiệp Sông Đà 5.05-CT Xây dựng Sông Đà 5	Chuyên viên kinh tế -
2005 - 2008	Xí nghiệp Sông Đà 5.06 - CTCP Sông Đà 5	Chuyên viên kinh tế
2009 - Nay	CTCP Sông Đà 505	Phó giám đốc Công ty

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 120.000 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : UV HĐQT tại Công ty CP Ehula.

(4) Ông NGUYỄN NGỌC ÁNH – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 22/02/1972.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Thái Bình.
- Số CMTND : 013654482.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Nơi ở hiện nay : Tổ 25 - Phường Mỹ An - Thành phố Đà Nẵng.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi, thủy điện.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
1995 - 1999	Công ty XD Sông Đà 5	Cán bộ Kỹ thuật, Khu trưởng khu gian máy
2000 - 2002	Chi nhánh Sông Đà 5 Công ty XD Sông Đà 5	Trưởng ban kỹ thuật kinh tế
2003 - 2007	Ban QLDA thủy điện 3	Chuyên viên quản lý hợp đồng
2008 - Nay	CTCP Sông Đà 505	Phó Giám đốc công ty

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 133.440 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : không.

(5) Ông LÊ VĂN PHÚC – Phó giám đốc

- Ngày sinh : 12/03/1962.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Hà Nội.
- Số CMTND : 013654482.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Nơi ở hiện nay : Số 5, Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
1984 - 1990	Công ty xây dựng thủy công Sông Đà	
1990 - 1995	Công ty XD thủy điện Vĩnh Sơn	Đội trưởng
1995 - 8/2004	Công ty xây dựng Sông Đà 5	Đội trưởng
09/2004 - 2009	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	Tổng đội trưởng
2009 - Nay	Công ty cổ phần Sông Đà 505	Phó giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh 515

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 48.720 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : không.

Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	CMTND/ Hộ chiếu
1	ĐẶNG THANH NAM	Trưởng Ban kiểm soát	10/08/1981	037081000099
2	NGUYỄN THẾ HOÀN	Thành viên BKS	30/08/1977	141801971
3	ĐẶNG THỊ NGỌC NHUNG	Thành viên BKS	20/08/1987	113241273

Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

(1) Ông ĐẶNG THANH NAM – Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày sinh : 10/08/1981.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Ninh Bình.
- Số CMTND : 037081000099.
- Số điện thoại : 02439362086.
- Nơi ở hiện nay : 14, ngách 189/113 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
12/2004 - 04/2005	Vụ tổ chức Cán bộ - Tổng cục thống kê	Cán bộ
Từ 2005 - nay	Ngân hàng Thương mại đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.	Phó phòng - Phòng KHDN 1
05/2005 - nay	Công ty cổ phần Sông đà 505	Trưởng Ban Kiểm soát

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó phòng - Phòng KHDN 1 - Ngân hàng Thương mại đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

(2) Ông NGUYỄN THẾ HOÀN – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh : 30/08/1977.
- Giới tính : Nam.
- Nơi sinh : Hải Dương.
- Số CMTND : 141801971.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Nơi ở hiện nay : Xóm Đồng Văn – Thị trấn Phú Thái – huyện Kim Thành – Tỉnh Hải Dương.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2000 - 10/2002	Văn phòng địa ốc Hồng Minh - Hà Nội	Nhân viên
11/2002 - 06/2007	Khách Sạn Viên Ngọc Xanh - Sài Gòn	Nhân viên
09/2009 - 2015	Công ty cổ phần Sông Đà 505	Nhân viên
2015-04/2017	Công ty cổ phần Sông Đà 505	PP kinh tế- Dự án
04/2017- Nay	Công ty cổ phần Sông Đà 505	TP kinh tế- Dự án

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : không.

(3) Bà ĐẶNG THỊ NGỌC NHUNG – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh : 20/08/1987.
- Giới tính : Nữ.
- Nơi sinh : Thái Bình.
- Số CMTND : 113241273.
- Số điện thoại : 024 62659 505.
- Nơi ở hiện nay : P.609 - Tòa 21B4 - Chung cư Green Star - 234 Phạm Văn Đồng - Bắc Từ Liêm - HN.
- Trình độ văn hoá : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư XD và quản lý DA.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2007 - 5/2014	Công ty cổ phần Sông Đà 505	Nhân viên
6/2014 - 4/2015	Xí nghiệp TCCT Cienco 5.2 Chi nhánh TCT Xây dựng giao thông 5	Nhân viên
5/2015 - Nay	Công ty cổ phần Sông Đà 505	Nhân viên

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 108.000 cổ phần.
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : không.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : không.

Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	CMTND
1	VŨ SƠN THÙY	Kế toán trưởng	22/07/1977	037081000099

Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

Như đã trình bày trong sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

14. Tài sản

❖ Tài sản cố định của Công ty mẹ tại 31/12/2017

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn lũy kế (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Tỷ lệ còn lại
I.	TSCĐ hữu hình	72.640.931.841	62.990.356.271	9.650.575.570	13,3%
1.	Máy móc thiết bị	52.992.768.695	43.808.287.070	9.184.481.625	12,7%
2.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.393.281.069	18.927.187.124	466.093.945	0,6%
3.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	254.882.077	254.882.077	-	-
II.	TSCĐ vô hình	-	-	-	-

Nguồn: BCTC quý IV năm 2017 Công ty mẹ CTCP Sông Đà 505

❖ Tài sản cố định hợp nhất của Công ty tại 31/12/2017

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn lũy kế (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Tỷ lệ còn lại
I.	TSCĐ hữu hình	486.703.356.813	81.197.359.755	405.505.997.058	83,3%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	413.311.926.063	17.951.788.670	395.360.137.393	81,2%
2.	Máy móc thiết bị	52.992.768.695	43.808.287.070	9.184.481.625	1,9%
3.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.082.371.978	19.120.993.938	961.378.040	0,2%
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	316.290.077	316.290.077	-	-
II.	TSCĐ vô hình	-	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý IV năm 2017 CTCP Sông Đà 505

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017

❖ Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017

Chi tiêu	Năm 2017
----------	----------

	Kế hoạch (nghìn đồng)	% tăng giảm so với năm 2016
Doanh thu thuần	299.219.802	(24,4)
Lợi nhuận sau thuế	51.810.744	23,1
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	17,3%	5,3
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,6%	(4,0)
Cổ tức (tiền mặt)	15%	

Đây là các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty họp ngày 26/03/2017 thông qua. Tính đến hết năm 2017, Công ty đã đạt được các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	
	Thực hiện (đồng)	% so với kế hoạch năm 2017
Doanh thu thuần	286.258.898.887	95,7%
Lợi nhuận sau thuế	58.691.799.071	113,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	20,5%	118,4%

Nguồn: BCTC Quý IV năm 2017 hợp nhất CTCP Sông Đà 505

❖ **Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 03 – 05 năm tới:**

- Cơ cấu lại ngành nghề: Tiếp tục duy trì ngành nghề xây lắp các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước đã và đang chuẩn bị khởi công và các dự án tương tự tại các nước lân cận, chuyển dịch dần tỷ trọng ngành nghề sang lĩnh vực đầu tư và vận hành dự án thủy điện vừa và nhỏ phù hợp với chuyên môn, ngành nghề của Công ty trên nguyên tắc thận trọng, kiểm soát rủi ro.
- Xác định thị trường: Tiếp cận và đón đầu các dự án xây dựng thủy điện tại Lào, Cam pu chia và các gói thầu xây dựng hạ tầng giao thông trong nước
- Đầu tư dài hạn: Phối hợp cùng các cổ đông khác khai thác lợi thế, thực hiện cơ chế quản lý chặt chẽ tại các con và công ty liên kết nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty. Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư hoặc góp vốn đầu tư dự án thủy điện phù hợp với chuyên môn, ngành nghề hiện tại và khả năng tài chính của Công ty nhưng phải giữ tỷ lệ chi phối hoặc tỷ lệ kiểm soát để có thể nắm quyền quản lý, điều hành nhằm bảo vệ hiệu quả vốn đầu tư.

❖ Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 03 – 05 năm tới:

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Doanh thu thuần	251.981.729	300.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Giá vốn hàng bán	211.588.624	264.000.000	311.500.000	311.500.000	311.500.000	311.500.000
Chi phí bán hàng						
Chi phí QLDN	10.401.013	12.000.000	12.950.000	13.597.500	14.245.000	14.892.500
Thu nhập từ HĐ tài chính	13.514.141	19.287.360	20.536.360	28.536.360	35.464.068	38.664.068
Chi phí HĐ tài chính	2.938.586	3.500.000	3.750.000	4.200.000	4.900.000	5.250.000
- Trong đó: lãi vay phải trả	2.929.177	3.500.000	3.750.000	4.200.000	4.900.000	5.250.000
Thu nhập khác	4.546.390	6.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Chi phí khác	611.847	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
Thuế TNDN phải nộp	4.005.197	4.981.610	9.367.272	10.747.772	11.863.814	12.304.314
Lợi nhuận sau thuế	40.496.993	40.305.750	37.469.088	42.991.088	47.455.254	49.217.254
Vốn chủ sở hữu	322.533.925	346.839.675	368.308.763	395.299.851	426.755.106	459.972.360
Cổ tức (%)	15%	15%	15%	15%	15%	20%

Nguồn: CTCP Sông Đà 505

Lưu ý: Số liệu công ty mẹ.

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

• Các giả định và căn cứ xây dựng kế hoạch:

- Chỉ số lạm phát 5%
- Lãi suất vay ngắn hạn ổn định ở mức 7,5%/năm và lãi suất vay dài hạn ổn định ở mức 10%/năm.
- Giá bán điện dự kiến tăng 2%/năm.
- Công ty sẽ làm tổng thầu phần xây dựng, lắp đặt đối với 02 dự án thủy điện Nậm Bùm 1 triển khai vào giai đoạn 2018-2019 và Nậm Bùm 2 giai đoạn 2020-2022.

- Công ty đặt mục tiêu duy trì qui mô hoạt động trong lĩnh vực xây lắp 350 tỷ/năm và lợi nhuận từ xây lắp là 11%/doanh thu trong đó chủ yếu thực hiện việc xây lắp 02 dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 do Công ty góp vốn chi phối, đồng thời tham gia đấu thầu các gói thầu xây dựng thủy điện mà chủ đầu tư đảm bảo được nguồn vốn thanh toán nhằm hạn chế rủi ro.
 - Dự kiến mức cổ tức thu được từ khoản đầu tư vào các Dự án thủy điện đã và đang hoạt động ổn định bao gồm: Thủy điện Sông Ông và Thủy điện Krongkma là 20%-30% ; Dự kiến cổ tức tại dự án thủy điện Bắc Nà phải đạt mức cổ tức từ 10%-15% trong những năm đầu.
 - Thuế TNDN được ưu đãi đến hết 2018.
- **Biện pháp để hoàn thành kế hoạch trên:**
- Tập trung thu xếp đủ nguồn vốn và chỉ đạo Công ty cổ phần EHULA là chủ đầu tư 02 dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2 triển khai xây dựng đúng kế hoạch. Trong đó Công ty CP Sông Đà 505 đứng vai trò tổng thầu xây, lắp đảm bảo tiến độ của dự án, rút ngắn thời gian thi công và hoàn thành phát điện đúng mục tiêu nhằm tăng hiệu quả cho dự án.
 - Tìm kiếm cơ hội và tham gia đấu thầu các gói thầu xây dựng thủy điện đáp ứng được nguồn vốn trong thanh toán và hiệu quả kinh tế từng gói thầu để đảm bảo mục tiêu về qui mô cũng như hiệu quả đặt ra.
 - Các hạng mục các công trình do Công ty tham gia thi công phải thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn quy phạm quy định, không để xảy ra các rủi ro tổn thất phải phá đi làm lại.
 - Gia tăng được niềm tin (tín chấp) của đông đảo các nhà cung cấp đảm bảo tính cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và giá cả cung cấp, giảm các chi phí trung gian.
 - Tập trung công tác thu hồi vốn để đảm bảo duy trì được nguồn vốn trong tổ chức SXKD, giảm thiểu chi phí tài chính.
 - Thu gọn cấp quản lý trung gian nhằm giảm thiểu chi phí trung gian, bố trí lại một số lực lượng cán bộ quản lý công trường phù hợp với quy mô hiện tại cho từng đầu mỗi công trình, kiên quyết tinh giảm lực lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc.
 - Phối hợp cùng các cổ đông khác tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty khai thác lợi thế, thực hiện cơ chế quản lý chặt chẽ tại các con và công ty liên kết nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

So với năm 2016, Công ty đặt ra những mục tiêu kế hoạch của năm 2017 trên cơ sở các Hợp đồng xây lắp đã ký (chiếm 50% tổng sản lượng kế hoạch) và dự kiến tìm kiếm, tham

gia đấu thầu và ký kết thêm các gói thầu mới nhằm đảm bảo kế hoạch đề ra. Trên thực tế, tính đến 30/09/2017, Công ty chưa ký kết thêm gói thầu mới nào do các gói thầu Công ty tham gia đấu thầu giá thấp trong điều kiện cạnh tranh và tiềm ẩn nguy cơ rủi ro. Điều này dẫn đến việc Công ty có thể không đạt chỉ tiêu về doanh thu và sản lượng đã được thông qua tại ĐHCĐ cho năm 2017. Tuy nhiên do các khoản mục đầu tư của Công ty góp vốn vào một số dự án thủy điện gần như sẽ hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch và sẽ thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 20-25%, vì vậy, chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty đề ra cho năm 2017 nhiều khả năng sẽ đạt kế hoạch đề ra, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông Công ty.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ thực hiện tất cả các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để đưa cổ phiếu của Công ty niêm yết bổ sung và giao dịch tại HNX.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 (Mười nghìn đồng)/ cổ phiếu.

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

4.013.534 (*Bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, năm trăm ba mươi tư*) cổ phiếu.

4. Giá chào bán dự kiến

15.000 (Mười lăm nghìn đồng)/ cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

- Căn cứ trên BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, cổ phiếu của Công ty có giá trị sổ sách đạt 64.711 đồng/ cổ phiếu.
- Căn cứ trên BCTC 6 tháng đầu năm 2017, cổ phiếu của Công ty có giá trị sổ sách đạt 67.902 đồng/ cổ phiếu.
- Tính đến hết phiên giao dịch ngày 31/10/2017, giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu S55 bình quân 30 phiên gần nhất là 26.287 đồng/ cổ phiếu.

Như vậy, có thể thấy mức giá chào bán cổ phiếu đợt này ở mức 15.000 (*Mười lăm nghìn đồng*)/ cổ phiếu của Công ty là thấp hơn so với cả giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu.

Tuy nhiên, trong đợt chào bán lần này, đối tượng phát hành của Công ty là tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty, và tỷ lệ chào bán cho từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty. Chính vì vậy, Công ty lựa chọn mức giá chào bán 15.000 đồng/ cp vừa góp phần đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu của Công ty vừa tăng tính hấp dẫn và khả năng thành công của đợt chào bán. Việc này hoàn toàn phù hợp với Quy định của Luật doanh nghiệp 2014.

6. Phương thức phân phối

- Đối với nhà đầu tư đã lưu ký chứng khoán: Cổ phiếu sẽ được phân phối thông qua các thành viên lưu ký, nơi nhà đầu tư mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu.
- Đối với nhà đầu tư chưa lưu ký chứng khoán: Cổ phiếu sẽ được phân phối tại trụ sở chính của Công ty.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Ngay sau khi đợt phát hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và cấp phép.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Nguyên tắc

- Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo tỷ lệ thực hiện quyền là 1:0,67 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được quyền mua thêm 67 cổ phần mới).
- Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ căn cứ vào thời gian cấp phép của UBCKNN để công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần.
- Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu.
- Phương án làm tròn: Khi chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền, số cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng cổ phiếu nhỏ hơn một đơn vị sẽ không được thực hiện.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không được mua hết: Số lượng cổ phiếu dôi ra do làm tròn và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

❖ Thủ tục đăng ký, nộp tiền và chuyển giao cổ phiếu

- Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu

Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với VSD để tổng hợp danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.

- Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- + Công ty phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua các thành viên lưu ký. Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- + Các cổ đông sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định trong thời hạn được thông báo. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền tại các thành viên lưu ký đó hoặc tại trụ sở Công ty trong trường hợp chưa lưu ký.
- + Trong thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu được thông báo, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng

quyền kết thúc trước 05 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu được thông báo. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại thành viên lưu ký (trong trường hợp đã lưu ký) hoặc tại trụ sở Công ty (trong trường hợp chưa lưu ký).

- **Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền**

- + Kết thúc thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- + Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của nhà đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của VSD tại ngân hàng chỉ định để VSD chuyển cho Công ty.

- **Bước 4: Phân phối chứng khoán**

- + VSD gửi báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- + Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- + Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty.

- **Bước 5: Tổng kết phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung**

- + Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Công ty sẽ gửi Báo cáo phát hành cho UBCKNN.
- + Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông và chào bán số cổ phiếu đó cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại Công ty. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu sẽ thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6., V.7. và V.8. của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty được quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của

Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Theo đó, đối chiếu với danh mục các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư 2014 thì tỷ lệ sở hữu đối với Nhà Đầu tư nước ngoài tại Công ty được áp dụng mức tối đa là 49%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Toàn bộ cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu lần này được tự do chuyển nhượng.

Các cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, khi được phân phối lại cho các nhà đầu tư khác theo quyết định tại Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một năm theo quy định tại Điều 1, Khoản 7, Mục 3 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

12. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại: Thuế Thu nhập doanh nghiệp; Thuế VAT (10%; 0%); Thuế Thu nhập cá nhân; Thuế môn bài; Thuế Nhà đất, Thuế Tài nguyên,

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản : Công ty Cổ phần Sông Đà 505.
- Số tài khoản phong tỏa : 12211000003143.
- Tại ngân hàng : TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ theo nội dung Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 của Công ty, trong đợt phát hành lần này, toàn bộ số tiền thu về sẽ được dùng để đáp ứng nhu cầu vốn tự có để làm vốn đối ứng vay ngân hàng tài trợ cho Dự án Thủy điện Nậm Bùm 1 do Công ty cổ phần EHULA làm chủ đầu tư (Thông qua việc góp vốn vào Công ty cổ phần EHULA). Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Vốn vay	Ghi chú
A	Tổng mức đầu tư của dự án (Dự kiến)	Đồng	540.000.000.000	
1	Vốn tự có (30%)	Đồng	162.000.000.000	
2	Vốn vay ngân hàng (70%)	Đồng	378.000.000.000	
B	Cơ cấu cổ đông góp vốn vào CTCP EHULA			
1	Công ty cổ phần Sông Đà 505 (98%)	%	98%	
2	Các cổ đông khác (2%)	%	2%	
C	Tổng số tiền Sông Đà 505 phải góp vốn đầu tư	Đồng	158.760.000.000	
I	Tổng nguồn vốn hiện có của Sông Đà 505	Đồng	70.460.000.000	
1	Số tiền đã góp	Đồng	20.460.000.000	
2	Nguồn tiền hiện tại Công ty có thể tham gia	Đồng	50.000.000.000	
II	Số vốn dự kiến phải huy động	Đồng	88.300.000.000	
1	Số tiền dự kiến thu được từ phát hành cổ phiếu	Đồng	60.203.007.450	
2	Huy động vốn từ CBCNC	Đồng	10.000.000.000	
3	Lợi nhuận hình thành từ xây lắp	Đồng	17.696.992.550	

Chúng tôi xin được làm rõ từng khoản mục trong tổng số 158.760.000.000 đồng mà CTCP Sông Đà 505 cần góp vốn vào CTCP EHULA như sau:

- C.I.1: "Số tiền đã góp": Tại thời điểm Công ty tiến hành xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành (tháng 9 năm 2017), số vốn góp của S55 tại EHULA là 20,46 tỷ đồng. Tính tới thời điểm 22/11/2017, căn cứ trên Báo cáo kiểm toán vốn của CTCP EHULA, số vốn thực góp của S55 tại EHULA là 30,76 tỷ đồng. S55 đã nộp Báo cáo kiểm toán vốn này tới Quý Ủy ban.
- C.I.2: "Nguồn tiền hiện tại của Công ty có thể tham gia" góp vốn tại EHULA chính là nguồn tiền gửi hiện tại của S55 đang gửi tại (các) ngân hàng. S55 gửi kèm công văn này sổ tài khoản chi tiết tài khoản 128 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Trên đó thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại 30/09/2017 là 69 tỷ đồng, lớn hơn số tiền S55 dự kiến góp vào EHULA (50 tỷ đồng). Đính kèm là Báo cáo số dư tiền gửi ngân hàng và (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- C.II.1: "Số tiền dự kiến thu được từ phát hành cổ phiếu", Các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ mua lại toàn bộ số cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua hoặc cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) để đảm bảo đợt phát hành thành công. Chúng tôi gửi kèm công văn này Văn bản cam kết của các thành viên HĐQT và các thành viên Ban TGD Về việc cam kết mua toàn bộ cổ phần các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có).
- C.II.2: Về "Huy động vốn từ CBCNV", tính đến hết quý 3 năm 2017, số tiền này Công ty đã huy động đủ từ CBCNV. Công ty gửi kèm công văn này sổ tài khoản chi

tiết 341 Báo cáo chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính tại 30/09/2017, theo đó số tiền huy động vốn của CBCNV là 13,95 tỷ đồng. Đính kèm là Bảng đối chiếu tiền vay huy động vốn của CBCNV đến 30/06/2017 và 30/09/2017.

- C.II.3: "Lợi nhuận hình thành từ xây lắp" tính đến hết quý 3 năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt trên 37,8 tỷ, hoàn toàn đáp ứng đủ nguồn để tham gia góp vốn vào EHULA.

Hiện tại, để đảm bảo khả năng tài chính thực hiện dự án, Công ty đã tiến hành đàm phán với ngân hàng để có sự cam kết tài trợ vốn từ ngân hàng trong trường hợp Công ty đáp ứng được yêu cầu về vốn đối ứng thực hiện dự án.

Cụ thể, Công ty đã nhận được Thư cam kết đảm bảo cung cấp tín dụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ngày 22/09/2017 về việc Ngân hàng cam kết đảm bảo cấp tín dụng cho CTCP EHULA số tiền tối đa 378.000.000.000 đồng.

Căn cứ trên Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 24/05/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu quyết định Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thủy điện: Thủy điện Nậm Bùm 1, tại xã Hua Bùm, huyện Nậm Nhùn, tổng mức đầu tư của dự án là 547,202 tỷ đồng. Bản chất con số Tổng mức đầu tư tại phê duyệt chủ trương của UBND tỉnh Lai Châu và con số Tổng mức đầu tư S55 đã đệ trình xin ý kiến thông qua của ĐHĐCĐ Công ty không mâu thuẫn. Khi đơn vị lập dự án, con số này là 547,202 tỷ đồng. Tuy nhiên, S55 đang tính toán khi thi công có thể tiếp tục tiết giảm chi phí, giảm tổng mức đầu tư của công trình, gia tăng hiệu quả cho Công ty cũng như cổ đông. Vì vậy con số S55 đệ trình ĐHĐCĐ thông qua là 540 tỷ và là con số dự kiến, không phải số chốt cuối cùng.

2. Phương án khả thi

Theo đánh giá và tính toán cần trọng của Ban lãnh đạo và chuyên gia của Công ty cổ phần Sông Đà 505 thì Dự án Thủy điện Nậm Bùm 1 là dự án có hiệu quả và đem lại những giá trị dài lâu cho Công ty.

Công ty đã cùng với đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Đầu tư HML có địa chỉ tại Tầng 3, số 82, LK6B Làng Việt kiều Châu Âu, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội lập năm 2017 và đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt.

Một số thông tin và giả định của dự án:

- ❖ Tổng mức đầu tư của dự án (sau thuế và lãi vay): 537.396.908.000 đồng.
- ❖ Vốn đầu tư xây dựng trước thuế: 501.122.302.000 đồng.
- ❖ Phương án huy động vốn:
 - Vốn tự có: 151.122.302.000 đồng.
 - Vốn vay: 350.000.000.000 đồng.
- ❖ Thời gian xây dựng: 03 năm.

- ❖ Chi phí vận hành và bảo dưỡng: 1,5% tổng chi phí xây dựng và thiết bị.
- ❖ Tổn thất tự dùng: 1,5% sản lượng điện hàng năm của nhà máy.
- ❖ Thời gian phân tích: 40 năm.
- ❖ Thời gian khấu hao: 20 năm.
- ❖ Thời gian trả nợ: 10 năm.
- ❖ Thời gian ân hạn: 3 năm.
- ❖ Các khoản thuế:
 - Thuế tài nguyên: 4%.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - + Miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
 - + Giảm 50% thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
 - + Các năm tiếp theo: 20%.
- ❖ Công suất của nhà máy: 16 MW.
- ❖ Giá bán điện (đã bao gồm thuế, phí): 1.107 đ/kWh.
- ❖ Tỷ suất chiết khấu: 9%.

Kết quả phân tích tài chính dự án

Thông số tính toán	Đơn vị	Phương án kiến nghị	Tăng vốn 5%	Giảm điện năng 5%	Cả hai trường hợp bên
MNDBT	M	767	767	767	767
MNC	M	761	761	761	761
Nlm	MW	16	16	16	16
Eo	106kWh	56,21	56,21	53,40	53,40
Vốn đầu tư	Nghìn đồng	501.122.302	526.178.418	501.122.302	526.178.418
Chỉ tiêu tài chính dự án					
NPV	Tỷ đồng	45,936	24,890	22,308	1,262
EIRR	%	11,59	10,79	10,77	10,04
B/C		1,15	1,08	1,07	1,00
Thời gian hoàn vốn	Năm	11,42	11,75	12,01	12,35

Kết quả phân tích tài chính trên cho thấy dự án có hiệu quả tài chính trong cả các trường hợp bất lợi như:

- Tăng vốn 5%.
- Giảm điện năng: 5%.
- Cả tăng vốn 5% và Giảm điện năng 5%.

Trong đó:

- **MNDBT** : Mục nước dâng bình thường.
- **MNC** : Mục nước chết.
- **N_{lm}** : Công suất lắp máy.
- **Eo** : Sản lượng điện trung bình nhiều năm.
- **NPV** : Giá trị lợi nhuận ròng quy về thời điểm hiện tại.
- **EIRR** : Hệ số hoàn vốn nội tại.
- **B/C** : Tỷ số hiệu ích/ Chi phí.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số vốn dự kiến huy động thông qua phát hành lần này là 60.203.007.450 (*Sáu mươi tỷ, hai trăm linh ba triệu, không trăm không bảy nghìn, bốn trăm năm mươi*) đồng sẽ được sử dụng như sau:

- Bước 1: Phát hành thành công 100% số lượng cổ phần dự kiến chào bán thu về 60.203.007.450 đồng. HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cam kết mua toàn bộ số cổ phiếu các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết và cổ phiếu lẻ (nếu có) để bảo đảm đợt phát hành thành công 100%.
- Bước 2: S55 sử dụng số tiền huy động được nêu trên kết hợp với các nguồn vốn khác của Công ty (tiền tại quỹ, lợi nhuận, huy động từ CBCNV, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh) để thực hiện góp vốn vào CTCP EHULA (đơn vị hiện đang sở hữu Thủy điện Nậm Bùm 1) nhằm đảm bảo EHULA đủ nguồn vốn đối ứng vay ngân hàng để thực hiện dự án Thủy điện Nậm Bùm 1.
- Bước 3: CTCP EHULA vay ngân hàng thương mại và cùng với vốn chủ sở hữu để triển khai dự án.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

➤ Hội sở

- Địa chỉ : 41 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q. 1, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84 – 28) 38 234159 Fax: (84 – 28) 38 235060

➤ Chi nhánh Hà Nội

- Địa chỉ : 10 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (84 – 24) 3 942 9396 Fax: (84 – 24) 3 942 9607

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 78-80 Đường 30 tháng 4, Hải Châu, Đà Nẵng
- Điện thoại : (84 – 236) 3655886 Fax: (84 – 236) 3655887

IX. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.
- 3. Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán 2015, 2016 và BCTC tại 30/09/2017.
- 4. Phụ lục IV:** Hồ sơ pháp lý Công ty cổ phần EHULA.
- 5. Phụ lục V:** Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tài chính Dự án Thủy điện Nậm Bùm 2.
- 6. Các phụ lục khác.**

X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN

Gia Lai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - GIÁM ĐỐC



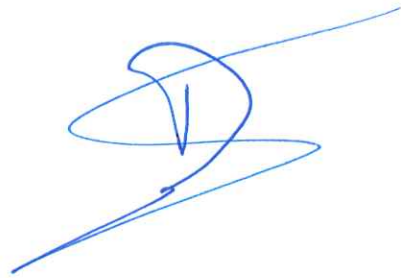
ĐẶNG QUANG ĐẠT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



VŨ SƠN THỦY



ĐẶNG THANH NAM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI



PHẠM TUẤN LONG